

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

HỒ SƠ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI
PHÒNG THÍ NGHIỆM VLXD LAS –XD 63.005

MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG

PHẦN 2: PHÁP NHÂN HOẠT ĐỘNG HÀNH NGHỀ

- 2.1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2.2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 63.005
- 2.3. Sơ đồ quản lý
- 2.4. Danh sách cán bộ nhân viên
- 2.5. Năng lực trang thiết bị

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG

Tên công ty : CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI.

Trụ sở chính : Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Điện thoại : 0988868955

Email : lasxd63.005@gmail.com

Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái là doanh nghiệp được sở kế hoạch và đầu tư thành phố Yên Bái cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5200428602 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15 tháng 09 năm 2023

Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực:

1.Thi công công trình giao thông, dân dụng

- Thi công xây dựng các công trình giao thông, các công trình xây dựng nhà làm việc, trường học, hội trường.vv...

3.Tư vấn giám sát, khảo sát

Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn phục vụ công tác lập quy hoạch, lập dự án, thiết kế và kiểm định chất lượng công trình.

3.Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Thí nghiệm, các thí nghiệm hiện trường, kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng. Xác định chỉ tiêu cơ lý của các mẫu vật tư, vật liệu như: đất,gạch, đá, cát, sỏi, sắt thép, xi măng, vữa, bê tông nhựa....., các cấu kiện bê tông trong công trình, độ chặt nền đất đắp, thí nghiệm thử nén tĩnh cọc trên công trình, kiểm định chất lượng cọc gia có nền móng và các sản phẩm xây dựng khác.

- Thiết kế các công trình giao thông

Với năng lực kinh nghiệm của mình *Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái* sẵn sàng thực hiện các công việc trong lĩnh vực hoạt động của mình nếu được sự chấp thuận của quý cơ quan. Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện dự án đảm bảo Chất Lượng - Tiến độ tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng , về trật tự xây dựng cơ bản và các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành.

Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái trân trọng tiếp thu những ý kiến đóng góp của quý cơ quan và coi đó là sự trợ giúp quý báu để cải tiến và nâng cao chất lượng, giúp Công ty ngày càng vững mạnh và phát triển.

Rất mong nhận được sự quan tâm của quý cơ quan.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI



*GIÁM ĐỐC,
Nguyễn Thị Dự*

PHẦN 2: PHÁP NHÂN HOẠT ĐỘNG HÀNH NGHỀ

2.1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 5200428602

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 21 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ dân phố Yên Thịnh 2, Phường Văn Phú, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Điện thoại: 0988.868955

SốFax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THỊ DUY

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 08/10/1985

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 015185006534

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Đồng Tâm 8, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THỊ DUY

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 08/10/1985

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 005185006534

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Đồng Tâm 8, Phường Yên Bái, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nữ Chi Bích Huệ

TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Văn Lợi

BẢN SAO

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: YEB-00001375

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1325/QĐ-SXD ngày 26/7/2018;
số 328/QĐ-SXD ngày 02/3/2021 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái)

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**

Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **5200428602**

Ngày cấp (lần đầu): **30/6/2009**

Nơi cấp: **Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái**

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông: Nguyễn Thị Dự

- Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: **Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam**

Số điện thoại: **0988.868.955**

- Số fax:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Khảo sát xây dựng: Địa hình; địa chất, địa chất thủy văn. Hạng II

2. Giám sát thi công xây dựng công trình: DD&CN, Giao thông đường bộ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hạng III

3. Thi công xây dựng công trình: DD&CN, Giao thông đường bộ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hạ tầng kỹ thuật (Cấp, thoát nước). Hạng III

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 02/3/2031 và thay thế chứng chỉ số YEB-00001375 cấp ngày 01/8/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SCT.2482...Quyển số.01...SCT/BS

03-03-2021

Yên Bái, ngày 02 tháng 3 năm 2021

GIÁM ĐỐC



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Nhật



Nguyễn Lâm Thắng

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1925/GCN-SXD

Yên Bái, ngày 11 tháng 10 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái; Biên bản kiểm tra, đánh giá Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng - Địa kỹ thuật (LAS-XD 63.005) thuộc Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái ngày 04/10/2024.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 5200428602, cấp ngày 30/6/2009; đăng ký thay đổi (lần thứ 10) ngày 15/9/2023. Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: 0988.868.955

Fax:

E-mail: Thientruongyenbai@gmail.com.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng - Địa kỹ thuật.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số: LAS-XD 63.005.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái;
- Trang TTĐT quản lý HĐTN chuyên ngành xây dựng Bộ Xây dựng;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng (Mục TTNL HĐXD);
- Lưu: VT, P. QLN&CLCT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỞ CHỨNG THỰC.....QUYỀN SỐ: 01SC/ST

Ngày: 14-10-2024



Nguyễn Yên Hiền
CÔNG CHỨNG VIÊN
Lai Trung Hiền

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 63.005

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng số: 1425/GCN-SXD ngày 11 tháng 10 năm 2024
của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG XI MĂNG		
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106-2022; AASHTO T119; ASTMC143; JIS A 1101
2	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108-2022; AASHTO T121; ASTMC138; JIS AI 116
3	Xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109-2022; AASHTO T158; ASTM C232
4	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112-2022; ASTM C127/C128/C642
5	Xác định độ hút nước	TCVN 3113-2022; AASHTO T318; ASTM 127/C128/C642
6	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115-2022; AASHTO T121; ASTM C138/C642
7	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117-2022
8	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118-2022; ASHTOT22/T140/T24; ASTMC39/C42/C40; JIS A1108/A1107
9	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; AASHTO T22:10
10	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
11	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; AASHTO T197; ASTMC403
II PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA VỮA XÂY DỰNG		
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN3121-1:2022

2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN3121-3: 2022; ASTM C1437
3	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN3121-6:2022
4	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN3121-10:2022
5	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-11:2022; AASHTO T106; ASTMC109
6	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
7	Xác định độ chảy	TCVN 9204:2012; ASTM C939
8	Xác định độ co ngót của vữa tươi	ASTM C490
III	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn	TCVN 13605-2023
2	Xác định khối lượng riêng	TCVN 13605-2023; AASHTO T133
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017-15
4	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016-11; AASHTO T106; ASTMC109
IV	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA CỐT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1	Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27; ASTMC136
2	Xác định thành phần thạch học của cốt liệu	TCVN 7572-3:2006.
3	Xác định hàm lượng hạt < 0.075mm bằng phương pháp rây	AASHTO T11; ASTM C117; JIS AI 103
4	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84; ASTMC128; JIS AI 109
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN7572-5:06; AASHTO T85; ASTMC127; JIS AI10

6	Khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN7572-6:06; AASHTO TI9; ASTM C29
7	Xác định độ ẩm	TCVN7572-7:06
8	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; AASHTO TI 12
9	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; AASHTO T21
10	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938
11	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
12	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
13	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn.	TCVN 7572-13:06; BS 812; AASHTO T335
14	Khả năng phản ứng kiềm-silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa.	TCVN 7572-17:06; JIS AI 126
16	Xác định hàm lượng Mica.	TCVN 7572-20:06
17	Xác định đương lượng cát (ES).	AASHTO T176; ASTM D2419; JIS AI 801
18	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu.	AASHTO TI 13; ASTM C123
V	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐÁT	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTMD854
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO T265; ASTM D2216; JIS A1203
3	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012; AASHTO T89/T90; ASTM D4318

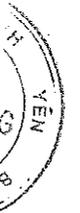
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88/T27; ASTMD1140/422/D42/D4718
5	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 22TCN 332:2006; AASHTO T99/T180; ASTMD1557/D698/D558
6	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ASTM D2937/D4914
7	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; AASHTO T193; ASTMD1883; JIS A1222
8	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199-1995; AASHTOT236; ASTM D3080
9	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
10	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	AASHTO T267
VI THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
1	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346-2006; AASHTO TI91
2	Đo dung trọng của vật liệu bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012 22 TCN 02:1971; AASHTO T204
3	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011; ASTME950/E1082
4	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256; ASTM D 4685
5	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T221; ASTMD 1195
6	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát thử nghiệm, con lắc Anh	TCVN 8866:2011; ASTM E965; AASHTO T28; ASTM E303

7	Cọc - Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM DI 143
8	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
9	Thử áp lực đường ống sau khi lắp đặt	TCVN 6149:07; TCVN 6041:95
VII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA NHỰA ĐƯỜNG	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D 5-97
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; AASHTO T51; ASTMD113
3	Xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53; ASTMD36; JISK2531
4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland.	TCVN 7498:2005; AASHTO T48; ASTM D92
5	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt.	TCVN 7499:2005; AASHTO T47; ASTMD1754; ASTM D6
6	Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen.	TCVN 7500:2005; AASHTO T44; ASTM D2042
7	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; AASHTO T228; ASTM D70
8	Xác định độ dính bám với đá.	TCVN 7504:2005; AASHTO T195; ASTMD2489
9	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất.	TCVN 7503:2005
10	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
VIII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA NHỰA ĐƯỜNG LÔNG	
1	Xác định nhiệt độ bắt lửa.	TCVN 8818-2:2011; AASHTO T79; ASTM D3143

2	Xác định hàm lượng nước.	TCVN 8818-3:2011; AASHTO T55; ASTM D95
3	Thử nghiệm chung cát.	TCVN 8818-4:2011; AASHTO T78; ASTM D4020
4	Xác định độ nhớt tuyệt đối.	TCVN 8818-5:2011; ASTM D2171
IX PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG NHỰA		
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall.	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245/TI67; ASTM D1559/D6927
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm.	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164A; ASTM D2172
3	Xác định thành phần hạt.	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27; ASTM C136
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời.	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209; ASTM D2041
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén.	TCVN 8860-5:2011 AASHTO T166; ASTM D2726
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát.	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn.	TCVN 8860-8:2011 AASHTO T230
9	Xác định độ rỗng dư.	TCVN 8860-9:2011 AASHTO T269; ASTM D3203
10	Xác định độ rỗng của cốt liệu.	TCVN 8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa.	TCVN 8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T165
X PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BỘT KHOÁNG CHẤT		
1	Xác định thành phần hạt.	22TCN 58-84; AASHTO T37; ASTM D456

2	Xác định lượng mất khi nung.	22TCN 58-84
3	Xác định hàm lượng nước.	22TCN 58-84
4	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất.	22TCN 58-84; AASHTO TI 13
5	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất.	22TCN 58-84
6	Xác định độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường.	22TCN 58-84
7	Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường.	22TCN 58-84
8	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng.	22TCN 58-84
XI	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan.	TCVN 6355-1:2009
2	Xác định cường độ nén.	TCVN 6355-2:2009
3	Xác định cường độ uốn.	TCVN 6355-3:2009
4	Xác định độ hút nước.	TCVN 6355-4:2009
5	Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 6355-5:2009
XII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH BLOCK BÊ TÔNG	
1	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN6477:2016
2	Xác định cường độ nén.	TCVN 6477:2016
3	Xác định độ rỗng.	TCVN 6477:2016
4	Xác định độ thấm nước.	TCVN 6477:2016
XIII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA THÉP	
1	Thử kéo kim loại	TCVN 197:2014; AASHTO T68; ASTM A370; JIS Z2241
2	Thử uốn kim loại	TCVN 198-2008; AASHTO T68; ASTM A370; JIS Z2248
3	Thử kéo bulông	TCVN 1916:95; TCVN 197:02; ASTM A370; AASHTO T68
XIV	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA	
1	Xác định độ va đập	TCVN 7305:2008

2	Thử độ bền kéo	TCVN 7434:2004
3	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007
4	Sự thay đổi theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
5	Thử áp suất	TCVN 7395-2008
XV	BÊ TÔNG XI MĂNG	
1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng	TCVN 3105:2022
2	Xác định độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
3	Xác định hàm lượng bột khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022
4	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469
XVI	VẬT LIỆU HẠT LIÊN KẾT BẰNG CÁC CHẤT KẾT DÍNH	
1	Xác định cường độ kéo khi ép chèn	TCVN 8862:2011
XVII	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI)	
1	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
2	Xác định hàm lượng Clorua (Cl^-)	TCVN 7572-15:2006
3	Xác định hàm lượng Sunfat và Sunfit	TCVN 7572-16:2006
4	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
XVIII	NƯỚC CHO VỮA VÀ BÊ TÔNG	
1	Xác định độ PH.	TCVN 6492:2011
2	Xác định hàm lượng SO_4^{2-}	TCVN 6200:1996
3	Xác định hàm lượng Cl^-	TCVN 6194:1996
4	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:2012
5	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:1978; TCVN 4565:88
6	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
7	Xác định nhiệt độ	TCVN 2654:78
XIX	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXÍT	
1	Xác định độ nhớt Sayboylt Furol	TCVN 8817-2:2011
2	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
3	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
4	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
5	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
6	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011

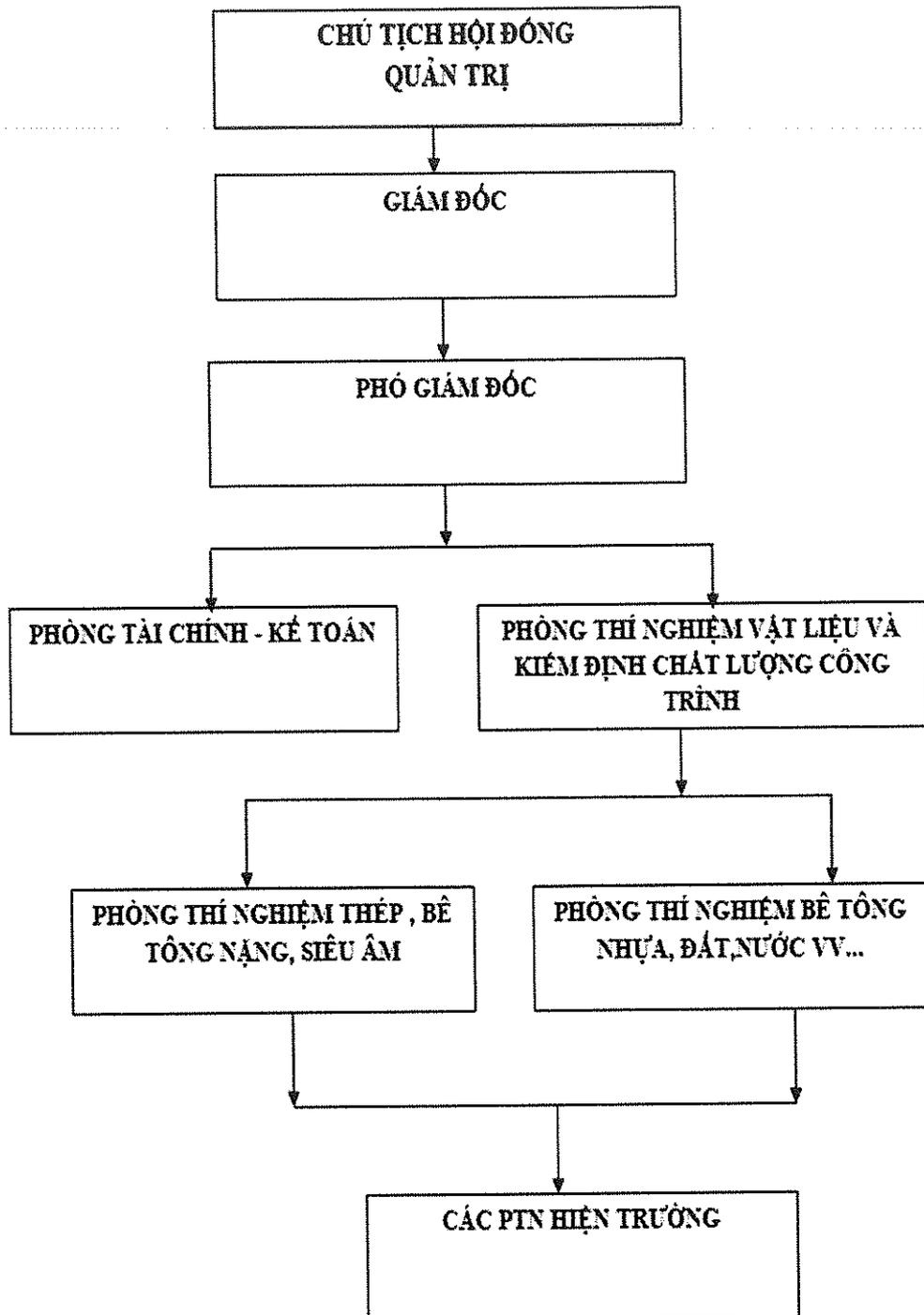


7	Xác định độ bám dính và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
8	Thử nghiệm chung cốt	TCVN 8817-9:2011
9	Xác định độ bay hơi	TCVN 8817-10:2011
10	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
11	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
XX	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH	
1	Gạch terazo: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, độ bền uốn	TCVN 7744:2013
2	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, cường độ nén	TCVN 6476:2011
3	Gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, cường độ nén	TCVN 9030:2017
4	Gạch xi măng lát nền: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, độ bền uốn, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
XXI	GẠCH GÓM ÓP LÁT, ĐÁ ÓP LÁT TỰ NHIÊN, ĐÁ ÓP LÁT NHÂN TẠO	
1	Gạch gốm ốp lát: Sai lệch kích thước và chất lượng bề mặt, độ hút nước, độ bền uốn và lực uốn gãy, độ cứng vạch bề mặt tính theo thang Mohs	TCVN 6415:2016
2	Đá ốp lát: Xác định kích thước, hình dạng, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ cứng vạch bề mặt, độ vuông góc, độ phẳng	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
XXII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA RỌ ĐÁ	
1	Xác định kích thước	TCVN 10335:2014; ASTM A975; ASTM A641
2	Xác định ứng suất bền kéo	ASTM-A370
3	Xác định khối lượng tầng mạ kẽm	ASTM A641; ASTM A90/90M
4	Xác định lực căng mắt lưới, lực liên kết buộc lưới, khả năng chịu chọc thủng lưới	ASTM A975-97

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

2.4. Sơ đồ quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ



Số 45/QĐ – CT

Yên Bái, ngày 01 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**

Về việc: Thành lập phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng – Địa kỹ thuật

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ Nghị định số 62/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng về việc cấp hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái;
- Xét tình hình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập phòng thí nghiệm:

Phòng thí nghiệm Vật Liệu Xây Dựng – Địa kỹ thuật

Kể từ ngày 01/6/2019

Điều 2. Trưởng Phòng thí nghiệm chịu trách nhiệm báo cáo công việc theo quy định, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Điều lệ, quy chế của Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái và các quy định pháp luật có liên quan.

Các cán bộ nhân viên trong Phòng thí nghiệm thực hiện công việc và báo cáo theo chỉ đạo của Trưởng Phòng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2019 cho đến khi có Quyết định khác về việc này được ban hành. Các Phòng/Ban, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP;

**CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG
YÊN BÁI**



**GIÁM ĐỐC,
Nguyễn Thị Dự**

Số 01 /QĐ – BN

Yên Bái, ngày 01 tháng 03 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**

Về việc: Bổ nhiệm Trưởng phòng Thí nghiệm

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ vào Giấy chứng nhận số: 1925/GCN-SXD ngày 11/10/2024 của Sở xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu LAS - XD 63.005.
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái.
- Xét yêu cầu nhiệm vụ, năng lực cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay bổ nhiệm ông Vũ Văn Minh – Kỹ sư – Kỹ thuật xây dựng CTGT giữ chức vụ Trưởng phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc Công ty kể từ ngày kí

Điều 2. Trưởng Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng - Địa kỹ thuật có nhiệm vụ:

- Tổ chức, điều hành Phòng Thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước quy định.
- Thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Công ty giao.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về mọi hoạt động của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2025 cho đến khi có Quyết định khác về việc này được ban hành. Các Phòng/Ban, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP;

CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VỀ
TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM
VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

Ông: Vũ Văn Minh
Sinh ngày: 14/04/1983

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo
Kỹ năng xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống Quản lý PTN
theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017

Ngày 11 tháng 09 năm 2025 tại Hà Nội



Phan Minh Hải

Số: 3221/VACI
Cấp ngày: 16/09/2025

			nghề GTVT TU1 cấp		
5	Triệu Văn Thiêm	02/07/1992	Số: 201901036/V KHCN cấp ngày 24/5/2019 do Viện KHCN về ĐT và XD tổng hội XDVN cấp	Thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ lý của bê tông, đất, cát và đá	- Thí nghiệm xi măng - Thí nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa - Các thí nghiệm ngoài hiện trường
6	Nguyễn Đức Chinh	11/11/1987	Số: 201910020/V KHCN cấp ngày 5/6/2019 do Viện KHCN KHCN về ĐT và XD tổng hội XDVN cấp	Thử nghiệm tính chất cơ lý của thép xây dựng	- Thí nghiệm cơ lý thép
7	Hà Văn Diêng	1/5/2003	Số 22.166.24/V KHCN-TVN cấp ngày 17 tháng 06 năm 2024 do Viện KHCN KHCN về ĐT và XD tổng hội XDVN cấp	Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông	- Thí nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa - Thí nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng - Thí nghiệm gạch xây, gạch bê tông, gạch ốp lát... - Thí nghiệm hiện trường



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ



Cho ông/bà: *Dinh Văn Tiến*

Sinh ngày: 14/04/1983

Nơi thường trú: Yên Bái

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư - Kỹ thuật xây dựng CTGT
Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo thi nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: Quản lý phòng thí nghiệm

Khóa: 171 Tổ chức: 02/12 - 12/12/2024

Xếp loại: *Khá*

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CHỨNG THỰC: *1511*..... QUYỀN SỐ: 01SCTIBS

Số: 28.171.24/VKHCN-QLTN

Ngày: 11-03-2025

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Dinh Văn Tiến



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lai Trung Kiên

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ: 201907002/VKHCN
CHỨNG THỰC BÀN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
SCT...164... Quyển số 01...SCT/BS

27-06-2020



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM
CHỨNG NHẬN

Ông : NGUYỄN VĂN QUÝ
Ngày sinh : 20-02-1985
Quê quán : Yên Bái
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông nhựa
Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.
Thời gian đào tạo: Từ 18/06/2019 đến 25/06/2019
Kết quả học tập: Trung bình



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. Phùng Văn Lợi

CHỦ TỊCH
Đào Trọng Hương

BẢN SAO

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS




Chức vụ của người được cấp: *Đầu tư và Xây dựng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUNG CHỈ TỐI NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM
CHUNG NHẬN

Ông : **TRIỆU VĂN THIÊM**
Ngày sinh : 02-07-1992
Quốc tịch : Yên Bái
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ - lý của:
Bê tông, Đất, Cát và Đá

Do Viện Khoa Học Công Nghệ và Đầu Tư và Xây Dựng
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 15/05/2019 đến 22/05/2019

Địa điểm: *Đầu tư và Xây dựng*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số hiệu chứng chỉ: 201901HCN Ngày: **17-07-2019**

Số chứng thực: **71187** Quyền số: **01** **ECT/BS**



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Việt Anh

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS




Chữ ký của người được cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUNG CHI TIẾT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG**

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHUNG NHẬN

Ông : NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
Ngày sinh : 11 - 11 - 1987
Quê quán : Hà Nội
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Thép xây dựng
Do Viện Khoa Học Công Nghệ và Đầu Tư và Xây Dựng
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.
Thời gian đào tạo: Từ 27/05/2019 đến 03/06/2019

Kết quả học tập: *Khá*

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số hiệu chứng chỉ: 2019100209/KHCN Ngày: **17-07-2019**

06 tháng 1/19 1-8-9 Quyển số: 1-8-9 SGT/BA



TS Phạm Văn Ngọc Sơn



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Lohi Nga



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NGHỀ



Cho: Tổng Thanh Tùng

Ngày sinh: 06-04-1992 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Sa Pa- Lào Cai

Nghề đào tạo: Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ

Khoá học từ tháng 8 / 2010 đến tháng 3 / 2012

Tốt nghiệp loại: Khá

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2012
CHỖ CHỮ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG CHỮ
SỐ CHỮ ĐÓNG CHỮ: 886 QUYỀN SỐ: 01 SCT/HS

HIỆU TRƯỞNG

Ngày 04-03-2024

Số hiệu bằng: 1350

Vào sổ cấp bằng số: 21576

Ngày 28 tháng 3 năm 2012



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Trọng Minh
Lai Trung Kiên

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ



Cho ông/bà: *Hà Văn Diễm*

Sinh ngày: 01/05/2003

Nơi thường trú: Yên Bái

Trình độ chuyên môn:

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo thí nghiệm viên ngắn hạn

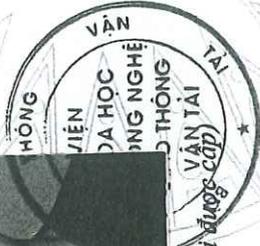
Chuyên ngành: **Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông**

Khóa : 166

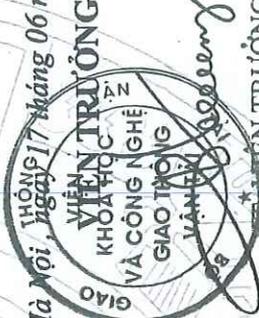
Tô chức : 03/06 - 14/06/2024

Xếp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2024



(Chữ ký của người được cấp)



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 154.....QUYỀN SỐ: 01SCT/BS**

Số: 22.166.24/VKHCN-TNV

Ngày: 12-03-2025

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

KHI VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Văn Tiến



CÔNG CHỨNG VIỆN

Lai Trung Kiên

PHÒNG THÍ NGHIỆM VLXD

DANH SÁCH THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Mã Hàng hoá	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	S L	ĐVT	Hiện Trạng
T06	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG				
T06.005	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - LUDA Model:WE-1000B	TQ	1	bộ	Tốt
T08	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG				Tốt
A	THIẾT BỊ				Tốt
T08.001	Máy nén bê tông 2000 KN	TQ	1	ch	Tốt
T08.029	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	TQ	3	ch	Tốt
T08.043	Khuôn bê tông trụ D150 x 300,thép	VN	3	ch	Tốt
T08.047	Bột capping	VN	3 0	kg	Tốt
T08.052	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX - T.TECH	VN	1	bộ	Tốt
C	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG - KẾT CẤU CÔNG TRÌNH				Tốt
T08.314	Máy khoan bê tông.	Trung Quốc	4	máy	Tốt
T09	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM XI MĂNG VỮA, GẠCH XÂY				Tốt
A	THIẾT BỊ				Tốt
T09.013	Dụng cụ VICA - T.TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	VN	1	bộ	Tốt
T09.015	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	VN	1	ch	Tốt
T09.019	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	VN	1	bộ	Tốt
T09.020	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	VN	1	bộ	Tốt
T09.021	Khuôn 40x40x160 kép 3,	VN	1	bộ	Tốt
T09.027	Khuôn Le Chatelier	TQ	1 2	ch	Tốt
T09.028	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250ml	TQ	6	ch	Tốt

T09.030	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml	VN	1	bộ	Tốt
T10	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT-ĐÁ-SỎ)				Tốt
T10.001	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-T.TECH; với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử; kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, và 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút;	VN	2	ch	Tốt
T10.005	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150	VN	1	bộ	Tốt
T10.006	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75	VN	1	bộ	Tốt
T10.007	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	VN	1	ch	Tốt
T10.008	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	VN	1	ch	Tốt
T10.009	Thùng dung trọng 1 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.010	Thùng dung trọng 2 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.011	Thùng dung trọng 3 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.012	Thùng dung trọng 5 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.014	Thùng dung trọng 10 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.016	Thùng dung trọng 15 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.017	Thùng dung trọng 20 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.020	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	1	ch	Tốt
T10.021	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	1	ch	Tốt
T10.022	Bảng màu chuẩn	VN	5	ch	Tốt
T10.023	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chảy hấp phụ nước của cát)	VN	1	bộ	Tốt
T10.025	Bộ xác định đương lượng cát - T.TECH (không kèm máy lắc)	VN	1	bộ	Tốt
	SÀNG THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT				Tốt
	Bộ sàng cát tiêu chuẩn D200mm (sàng tròn)				Tốt
T10.082	Sàng D200mm, 10,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.075	Sàng D200mm, 5,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.069	Sàng D200mm, 2,500 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.062	Sàng D200mm, 1,250 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.056	Sàng D200mm, 0,63mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.050	Sàng D200mm, 0,315mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.042	Sàng D200mm, 0,140 mm	TQ	3	ch	Tốt
	Bộ sàng đất D200mm tiêu chuẩn (sàng tròn)	TQ			Tốt
T10.082	Sàng D200mm, 10,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.075	Sàng D200mm, 5,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.067	Sàng D200mm, 2,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.060	Sàng D200mm, 1,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.054	Sàng D200mm, 0,5mm	TQ	3	ch	Tốt

T10.048	Sàng D200mm, 0,25mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.040	Sàng D200mm, 0,100 mm	TQ	3	ch	Tốt
	Bộ sàng đá D200mm	TQ			Tốt
T10.102	Sàng D200mm, 75,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.099	Sàng D200mm, 60,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.098	Sàng D200mm, 50,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.096	Sàng D200mm, 40,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.093	Sàng D200mm, 30,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.091	Sàng D200mm, 25,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.089	Sàng D200mm, 20,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.086	Sàng D200mm, 15,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.082	Sàng D200mm, 10,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.075	Sàng D200mm, 5,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.070	Sàng D200mm, 3,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
	Bộ sàng đá cấp phối D200mm	TQ			Tốt
T10.098	Sàng D200mm, 50,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.095	Sàng D200mm, 37,5 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.091	Sàng D200mm, 25,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.088	Sàng D200mm, 19,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.081	Sàng D200mm, 9,500 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.074	Sàng D200mm, 4,750 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.068	Sàng D200mm, 2,360 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.053	Sàng D200mm, 0,425mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.037	Sàng D200mm, 0,075 mm	TQ	3	ch	Tốt
	Bộ sàng cốt liệu BTN D200mm	TQ			Tốt
T10.095	Sàng D200mm, 37,5 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.091	Sàng D200mm, 25,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.089	Sàng D200mm, 20,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.088	Sàng D200mm, 19,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.084	Sàng D200mm, 12,5 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.081	Sàng D200mm, 9,500 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.074	Sàng D200mm, 4,750 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.068	Sàng D200mm, 2,360 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.061	Sàng D200mm, 1,180 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.055	Sàng D200mm, 0,6mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.049	Sàng D200mm, 0,3mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.043	Sàng D200mm, 0,15mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.037	Sàng D200mm, 0,075 mm	TQ	3	ch	Tốt
T11	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG				Tốt
A	THIẾT BỊ				Tốt
T11.001	Máy nén MARSHALL LWD-3A	VN	1	ch	Tốt
T11.006	Khuôn CBR - T.TECH;	VN	3	bộ	Tốt
T11.007	Đĩa phân cách	VN	1	ch	Tốt
T11.010	Đồng hồ so 10mmx0,01-TQ	TQ	3	ch	Tốt

T11.011	Cung lực 50KN - Dial 0,01mm.	TQ	1	ch	Tốt
T11.012	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất -T.TECH Bao gồm: Tấm kính, bình xít, 6 cốc âm, dao trộn, hộp đựng.	VN	1	bộ	Tốt
T11.014	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande Gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng	VN	1	ch	Tốt
T11.017	Cối Proctor tiêu chuẩn	VN	2	ch	Tốt
T11.018	Cối Proctor cải tiến	VN	2	ch	Tốt
T11.019	Chày Proctor tiêu chuẩn	VN	2	ch	Tốt
T11.020	Chày Proctor cải tiến	VN	2	ch	Tốt
T12	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				Tốt
A	THIẾT BỊ				Tốt
T12.002	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - T.TECH(Theo tiêu chuẩn mới) Bao gồm: Tấm ép D760; D610; D460; D330mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân ké, 02 thiên phân ké	VN	1	bộ	Tốt
T12.004	Bộ cần Benkenman - T.TECH Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	VN	1	bộ	Tốt
T12.005	Bộ dao vòng lấy mẫu đất, gồm Chày, Thanh dẫn, 3 lưỡi dao.	VN	2	bộ	Tốt
T12.006	Phễu rót cát hiện trường - T.TECH kèm bình cát chuẩn, tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ-T.TECH	VN	8	bộ	Tốt
T12.009	Thước 3m với thước đo độ võng	TQ	1	bộ	Tốt
	Bộ thí nghiệm nén tĩnh cọc	TQ	2	bộ	Tốt
T15	THÍ NGHIỆM ĐÁT - ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH				Tốt
T15.001	Máy nén đất tam liên loại thấp áp Kèm PK quả cân, đá thám, dao cắt, 03 đồng hồ so.	VN	1	ch	Tốt
T15.006	Máy cắt đất 2 tốc độ - TQ; Model: EDJ - 1 (ZJ) Kèm PK: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ	TQ	1	bộ	Tốt
T16	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM NHỰA - BÊ TÔNG NHỰA				Tốt
A	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM				Tốt
T16.001	Thiết bị giãn dài nhựa - T.TECH Tốc độ kéo tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài max 1200mm, Động cơ 220V/50Hz. (Chưa kèm khuôn và đế khuôn.)	VN	1	ch	Tốt
T16.002	Khuôn mẫu chuẩn hình số 8 bằng đồng	VN	3	ch	Tốt
T16.003	Đế khuôn đúc mẫu giãn dài nhựa	VN	1	ch	Tốt

T16.006	Thiết bị kim lún nhựa - T.TECH; Đồng hồ chỉ thị 50mm x 0,01 mm; kèm cốc mẫu, cốc bảo ôn giữ nhiệt, 02 kim	VN	1	bộ	Tốt
T16.008	Thiết bị tổn thất khi nung-T.TECH Bao gồm: mô tơ tốc độ chuẩn, giá quay, 9 hộp mẫu.	VN	1	bộ	Tốt
T16.011	Thiết bị hoá mềm nhựa-T.TECH gồm cốc thủy tinh, giá đỡ, 2 bộ khâu, 2 viên bi chuẩn	VN	1	bộ	Tốt
T16.012	Bếp gia nhiệt bằng điện (bếp cách cát): gồm 1 bếp điện đơn+1 khay nhôm.	TQ	2	ch	Tốt
T16.013	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa-T.TECH (không kèm bình ga và van)	VN	1	bộ	Tốt
B	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				Tốt
T16.104	Cung lực 30 KN - TQ, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm	TQ	1	ch	Tốt
T16.106	Máy ly tâm tách nhựa - T.TECH; Khả năng: 3000g Tốc độ được điều khiển từ 0 - 2800V/phút bằng biến tần - FUJI (HITACHI) - Nhật Điện áp nguồn: 220V/50Hz	VN	2	ch	Tốt
T16.108	Giấy lọc cho ly tâm 3000g, D330	VN	5	hộp	Tốt
T16.112	Bộ đàm mẫu marshall bằng tay Bao gồm: Chày đàm; Thanh dẫn; Thanh đỡ; Đế đàm kèm gá giữ khuôn; Đế gỗ.	VN	2	bộ	Tốt
T16.114	Bộ khuôn marshall đồng bộ	VN	5	bộ	Tốt
T16.119	Bê ôn nhiệt marshall 32 lít, đặt nhiệt độ tùy ý.	VN	1	ch	Tốt
T18	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM GẠCH				Tốt
T18.001	Bộ gá uốn mẫu gạch xây	VN	1	bộ	Tốt
T18.002	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn	VN	1	bộ	Tốt
T25	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				Tốt
T25.004	Tủ sấy 300C, 70 lít Model: 101-1;	TQ	1	ch	Tốt
T25.039	Cân điện tử 600g x 0,01 Ohaus Model: TAJ 602	TQ	1	ch	Tốt
T25.055	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS Khả năng : 6kg ± 0.1g Kích thước đĩa cân : 294mm x 226mm Tính năng : cân , đếm , trừ bì Nguồn điện : 220V , Adaptor	TQ	1	ch	Tốt
T25.059	Cân điện tử 15kg x 0.5g - OHAUS Khả năng : 15kg ± 0.5g Kích thước đĩa cân : 294mm x 226mm Tính năng : cân , đếm , trừ bì Nguồn điện : 220V , Adaptor	TQ	1	ch	Tốt
T25.211	Bát sứ D80mm	TQ	1	ch	Tốt
T25.416	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	VN	1	ch	Tốt

T25.417	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng)	VN	1	ch	Tốt
T25.217	Bình tỷ trọng đất 100ml	TQ	1 2	ch	Tốt
T25.223	Bình tam giác 500ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.224	Bình tam giác 1000ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.241	Bình hút âm D240mm, bằng thủy tinh	TQ	1	ch	Tốt
T25.251	Bình hút chân không D240mm, thủy tinh	TQ	1	ch	Tốt
T25.300	Cối chà sứ D150mm	TQ	1	bộ	Tốt
T25.301	Cối chà đồng	VN	1	bộ	Tốt
T25.303	Chày cao su	VN	1	ch	Tốt
T25.352	Hộp nhôm D55x35	TQ	1 2	ch	Tốt
T25.415	Nhiệt kế điện tử Model: TP101. Khoảng đo từ -50 đến 300 độ C	TQ	1	ch	Tốt
T25.401	Nhiệt kế kim loại 100C	HQ	1	ch	Tốt
T25.421	Ống đong thủy tinh 50ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.422	Ống đong thủy tinh 100ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.424	Ống đong thủy tinh 250ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.425	Ống đong thủy tinh 500ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.426	Ống đong thủy tinh 1000ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.540	Bơm chân không 650mmhg	TQ	1	ch	Tốt
T25.541	Ống cao su	VN	2	m	Tốt
T25.542	Đồng hồ áp	TQ	1	ch	Tốt
T25.543	Van đồng cho hút chân không	TQ	1	ch	Tốt
T25.571	Rọ cân thủy tinh	VN	1	ch	Tốt

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 83/2024/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

MST: 5200428602

Tài khoản: 37110000123691 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Yên Bái

Do Bà: Nguyễn Thị Dụ - Giám Đốc - làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: Nguyễn Văn Linh - Phó Tổng Giám đốc - làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư), giá cả

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT %	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép 1000kN (Tặng kèm bộ gối uốn thép) Hãng sản xuất: LS LUDA Model: WE-1000B Lực kiểm tra tối đa (kN): 1000 Phạm vi đo lường (kN): 100~1000 Sai số: ±1% Khoảng cách kéo (mm): 690 Không gian nén (mm): 620 Đường kính kẹp mẫu phẳng (mm): 0-40 Đường kính kẹp mẫu tròn (mm): 20-60. Hành trình piston làm việc (mm): 180 Kích thước thớt nén trên và dưới (mm): Φ220×Φ230 Công suất động cơ (Kw): 1.2 Công suất bơm dầu (Kw): 0.6 Tổng công suất: 1.8 Kw Điện áp: AC220V±10%,50Hz Kích thước máy chính (mm): 940×650×2080 Kích thước bộ điều khiển(mm): 530×500×1270 Trọng lượng (kg): 2400 Tiếng ồn hoạt động (dB): ≤75	TQ	1	chiếc	167,000,000	10	183,700,000



Bao gồm: Khung máy chính và bộ điều khiển, 1 thớt nén dưới, 1 thớt nén trên, 4 má kẹp cho thép phẳng 0-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 20-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 40-60mm; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; tuy ô thủy lực.						
TỔNG CỘNG						183,700,000

Tổng giá trị hợp đồng:

183,700,000

Bằng chữ : Một trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).!.

Giá trên là giá đã bao gồm:Thuế VAT , chi phí hiệu chuẩn tại bên bán, chi phí vận chuyển bàn giao tại phòng thí nghiệm Bên A.

Điều 2: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN bên A.

Điều 3: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 01 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành và bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A.
- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Thành phố Yên Bái.

Điều 4: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán chuyển khoản cho bên B tại các thời điểm như sau:

- + Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 100,000,000 VNĐ (Một trăm triệu đồng chẵn) ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.
- + Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 83,700,000 VNĐ (Tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn) ngay sau khi bên B thực hiện xong công tác giao hàng, nghiệm thu, chạy thử tại phòng thí nghiệm của bên A. Ngay sau khi bên B nhận đủ số tiền theo hợp đồng bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT cho bên A.

Điều 5: Điều khoản thưởng phạt:

- + Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.
- + Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 6: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

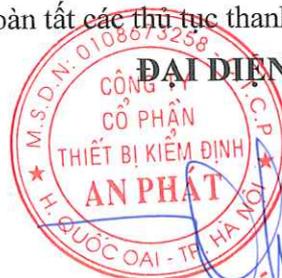
Hợp đồng sẽ được thanh lý sau khi hai bên cùng hoàn tất các thủ tục thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 83/2024/HĐKT ký ngày 14 tháng 05 năm 2024 giữa Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái với Công ty cổ phần thiết bị kiểm định An Phát.

Hôm nay, ngày tháng 05 năm 2024, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

MST: 5200428602

Tài khoản: 37110000123691 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Yên Bái

Do Ông: - làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: - Cán bộ kỹ thuật - làm đại diện

Cùng nhau kiểm tra, xác nhận hàng hoá do Bên B bàn giao cho Bên A v với các điều khoản như sau:

Điều 1: Bàn giao hàng hoá thiết bị:

STT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	XX	SL	ĐVT	Ghi chú
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép 1000kN (Tặng kèm bộ gối uốn thép) Hãng sản xuất: LS LUDA Model: WE-1000B Lực kiểm tra tối đa (kN): 1000 Phạm vi đo lường (kN): 100~1000 Sai số: ±1% Khoảng cách kéo (mm): 690 Không gian nén (mm): 620 Đường kính kẹp mẫu phẳng (mm): 0-40 Đường kính kẹp mẫu tròn (mm): 20-60. Hành trình piston làm việc (mm): 180 Kích thước thốt nén trên và dưới (mm): Φ220×Φ230 Công suất động cơ (Kw): 1.2 Công suất bơm dầu (Kw): 0.6 Tổng công suất: 1.8 Kw Điện áp: AC220V±10%,50Hz Kích thước máy chính (mm): 940×650×2080 Kích thước bộ điều khiển(mm): 530×500×1270 Trọng lượng (kg): 2400 Tiếng ồn hoạt động (dB): ≤75 Bao gồm: Khung máy chính và bộ điều khiển, 1 thốt nén dưới, 1 thốt nén trên, 4 má kẹp cho thép phẳng 0-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 20-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 40-60mm; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; tủ ô thủy lực.	TQ	1	cái	

- Tình trạng hàng hoá: Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và đúng chủng loại

- Hàng hoá được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu.

- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số hàng hoá trên theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số 83/2024/HĐKT. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử, hoạt động tốt khi bàn giao.

- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.

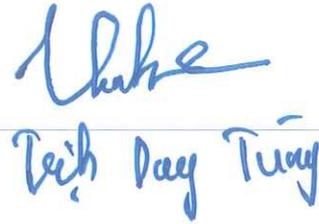
Điều 2: Kết luận:

- Biên bản bàn giao thiết bị được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



Trịnh Duy Túy





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 17 tháng 05 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TPA
Số: 510

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Mã số thuế: 5200428602

Địa chỉ: Tổ 2, Phường Yên Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép dùng trong phòng thí nghiệm, Model: WE-1000B	Chiếc	1	167.000.000	167.000.000	10%	16.700.000	183.700.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					167.000.000		16.700.000	183.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán:								

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%:

Tổng tiền chịu thuế 10%: 167.000.000

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%:

Tổng tiền thuế GTGT 10%: 16.700.000

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT
Ký ngày 17/05/2024

Mã của cơ quan thuế: 007F80FF80EFE049B88C1AD03DAEB0E8A5

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: 04MPBPNUU1PK29N



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 17 tháng 10 năm 2023

Ký hiệu: 1C23TPA

Số: 335

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388 Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Mã số thuế: 5200428602

Địa chỉ: Tổ 2, Phường Yên Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Thiết bị kim lún nhựa tự động Model: IV-2000	Chiếc	1	10.000.000	10.000.000	10%	1.000.000	11.000.000
2	Thiết bị tổn thất khi nung - VN	Chiếc	1	2.000.000	2.000.000	10%	200.000	2.200.000
3	Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường - TQ Model: SY-1,5	Chiếc	1	15.000.000	15.000.000	10%	1.500.000	16.500.000
4	Bơm thử áp lực nước đường ống	Chiếc	1	2.500.000	2.500.000	8%	200.000	2.700.000
5	Máy nén đất tam liên trung áp - TQ Model: WC-3B (WG-3B)	Chiếc	1	22.500.000	22.500.000	10%	2.250.000	24.750.000
6	Máy cắt đất đa tốc độ - TQ Model: ZJ-1A (EDJ - 1M)	Chiếc	1	19.000.000	19.000.000	10%	1.900.000	20.900.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					71.000.000		7.050.000	78.050.000
					Tổng cộng tiền thanh toán:			

Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%: 2.500.000

Tổng tiền chịu thuế 10%: 68.500.000

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%: 200.000

Tổng tiền thuế GTGT 10%: 6.850.000

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT
Ký ngày 17/10/2023

Mã của cơ quan thuế: 001752431A2EA143A6B333D1E7D656CKD2

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search> . Mã số bí mật: MIHEOZ2MKQ17NTR



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C23TAP

Số (No.): 383

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 23 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế (Tax code): 0108673258

Địa chỉ (Address): Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0933913888

Fax:

Website:

Số tài khoản (Account No.): 22210003964388 Ngân hàng (Bank): TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Mã số thuế (Tax code): 5200428602

Địa chỉ (Address): Tổ 1, Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Máy đầm mẫu marshall tự động, Model: YZ-B5	Chiếc	1	19.500.000	19.500.000
2	Khuôn marshall	Bộ	1	500.000	500.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					20.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		2.000.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					22.000.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai mươi hai triệu đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT
Ký ngày 23/05/2023

Mã của cơ quan thuế: 000DF43451C8774B1DADB6FF0473C514C8

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: SSZH0QBPC0H29SC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 63/2023/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 22 tháng 05 năm 2023, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

MST: 5200428602

Do Bà: **Nguyễn Thị Dự** - Giám đốc - làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Nguyễn Văn Linh** - Phó Tổng Giám đốc - làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy nén marshall điện tử 30kN - TQ.	TQ	1	chiếc	19.500.000	19.500.000
2	Bộ khuôn marshall	VN	1	bộ	500.000	500.000
	CỘNG					20.000.000
	VAT 10%					2.000.000
	TỔNG CỘNG					22.000.000

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

22.000.000 VNĐ

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng chẵn).!

Giá trên là giá đã bao gồm: Thuế VAT, chi phí hiệu chuẩn tại bên bán, chưa bao gồm chi phí vận chuyển.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 01 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành và bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A.



- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Hà nội

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A chuyển khoản đặt hàng cho bên B 100% giá trị của hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.

Điều 6: Điều khoản thưởng phạt:

+ Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.

+ Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 7: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Thị Dự
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Văn Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /M 2019/HĐKT

Căn cứ Bộ luật Dân sự - Luật số: 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Bộ luật Thương mại – Luật số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ các Bộ luật của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản có liên quan;

Căn cứ nhu cầu và khả năng, quyền hạn của mỗi Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2019, chúng tôi gồm:

Bên mua (gọi là bên A): CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Dự Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Mã số thuế : 5200428602

Điện thoại : 0988 868 955

Số TK : 3711 0000 123691

Tại : Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Yên Bái

Bên bán (gọi là bên B): CÔNG TY TNHH TÀI PHÁT TOÀN CẦU.

Đại diện : Bà Phạm Hoàng Hà Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 9B, ngõ Thái Lợi, phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mã số thuế : 0106355394

Điện thoại : 0913588608; Email: nxbinh.ibst@gmail.com

Số TK : 12110000248564

Tại : tại Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Hai Bà Trưng.

HAI BÊN THỐNG NHẤT KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ

VỚI CÁC NỘI DUNG, ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN SAU:

Điều 1- Đối tượng hợp đồng (hàng hóa và giá trị hàng hóa):

Bên B đồng ý bán (cung cấp) cho bên A hàng hóa là: máy, thiết bị thí nghiệm đồng bộ, nguyên chiếc, mới 100% để thí nghiệm vật liệu xây dựng, cụ thể như sau: (Phụ lục 01 kèm theo);

Điều 2- Giá trị hợp đồng:

- Tổng trị giá hợp đồng là: **119.309.000 VNĐ** (Một trăm mười chín triệu, ba trăm linh chín đồng)

*Trong đó:

- + Giá trị trên đã bao gồm toàn bộ các loại thuế có liên quan (thuế GTGT, thuế nhập khẩu (nếu có),...) theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- + Giá trị trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí có liên quan (chi phí vận chuyển, bảo hành, ...) đảm bảo máy, thiết bị được đưa vào sử dụng đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Hợp đồng kinh tế này.

Điều 3- Chất lượng, quy cách hàng hóa và bảo hành:

- Toàn bộ hàng hóa (Máy, thiết bị, dụng cụ) mới 100%, đồng bộ, đúng quy cách và xuất xứ đã nêu tại Điều 1, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam.
- Cân điện tử, Súng thử cường độ bê tông được Bên B bảo hành miễn phí trong 12 (mười hai) tháng do lỗi của nhà sản xuất. Tủ sấy, Máy khoan lấy mẫu bê tông được Bên B bảo hành miễn phí trong 6 (sáu) tháng do lỗi của nhà sản xuất.
- Mọi chi phí liên quan do bên B chịu chi trả hoàn toàn.

Điều 4- Thời gian, địa điểm giao hàng và phương thức giao hàng:

- Toàn bộ hàng hóa (Máy, thiết bị) được bàn giao tại địa chỉ của Bên A nêu trong hợp đồng này. Trong vòng tối đa là 07 (bảy) ngày kể từ khi Bên A chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho bên B, bên B phải hoàn thành trách nhiệm giao hàng hóa cho bên A đảm bảo đúng chất lượng, đủ số lượng theo Hợp đồng này và quy định nhà nước.
- Phương thức giao hàng: Trực tiếp.

Điều 5- Phương thức, thời gian tạm ứng, thanh toán và trách nhiệm bồi thường chậm thanh toán:

- Bên A tạm ứng, thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản theo tài khoản ghi trên Hợp đồng này.
- Đồng tiền sử dụng: Việt Nam đồng (VNĐ).
- Bên A sẽ chuyển khoản cho bên B thành 02 (hai) đợt:
 - + Đợt 1: Bên A tạm ứng hợp đồng cho bên B số tiền bằng 50% tổng giá trị hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được hai Bên ký kết, (tùy thuộc vào thời điểm bên A nhận được Hợp đồng bên B đã ký).
 - + Đợt 2: Vào ngày làm việc và giờ hành chính, trong khi Bên B thực hiện hoàn tất các công việc tập kết, giao hàng và bản gốc hóa đơn GTGT cho bên A xong, Bên A sẽ chuyển khoản (thanh toán) giá trị còn lại cho bên B. Nếu bên A chậm tiến độ thanh toán đợt 2 sẽ phải bồi thường cho bên B 5% (năm phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng cho 01 (một) ngày làm việc chậm thanh toán. Số tiền bồi thường được tính trên tổng số ngày chậm thanh toán.

Điều 6- Tiến độ thực hiện hợp đồng và trách nhiệm bồi thường Hợp đồng:

- Bên B hoàn tất các trách nhiệm theo Hợp đồng này trong vòng tối đa 07 (bảy) ngày, kể từ khi Hợp đồng được ký kết và Bên A chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho bên B. Trong đó:

Nếu Bên B chậm tiến độ so với thời gian nêu trên thì bên B phải bồi thường cho bên A số tiền tương đương 5% (năm phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng cho 01 (một) ngày chậm tiến độ, ngày chậm tiến độ được tính từ ngày Ngân hàng ghi trên chứng từ chuyển tiền tạm ứng Hợp đồng của Bên A. Số tiền bồi thường này được bên A bù trừ vào số tiền thanh toán

đợt 2 của Hợp đồng. Số tiền bồi thường được tính trên tổng số ngày chậm tiến độ, tính theo ngày dương lịch.

Điều 7- Quyền và trách nhiệm của bên B:

- Nhận tạm ứng hợp đồng và thanh toán từ bên A theo Hợp đồng.
- Cung cấp, vận chuyển, bàn giao toàn bộ máy và thiết bị theo Hợp đồng đã ký.
- Cung cấp (bàn giao) toàn bộ hàng (máy, thiết bị, dụng cụ) mới 100%, đúng chủng loại, xuất xứ, mẫu mã, quy cách, chất lượng, đúng thời gian, địa điểm,... theo Hợp đồng đã ký.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp và nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, an toàn cháy nổ,... của máy, thiết bị trước pháp luật Nhà nước Việt Nam.
- Bảo hành máy, thiết bị theo quy định: Cân điện tử, Súng thử cường độ bê tông được Bên B bảo hành miễn phí trong 12 (mười hai) tháng do lỗi của nhà sản xuất. Tủ sấy, Máy khoan lấy mẫu bê tông được Bên B bảo hành miễn phí trong 6 (sáu) tháng do lỗi của nhà sản xuất.
- Cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng khi bàn giao hàng cho bên A. Các Trách nhiệm khác theo quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 8- Quyền và trách nhiệm bên A:

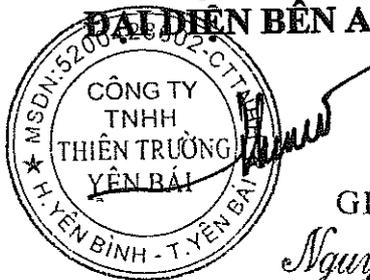
- Nhận hàng (máy, thiết bị) đúng, đủ theo các yêu cầu của Hợp đồng kinh tế này.
- Nhận hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định Nhà nước.
- Tạm ứng hợp đồng và thanh toán theo Hợp đồng đã ký.
- Các Quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 9- Điều khoản chung:

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng hợp đồng, các nội dung chưa được nêu trong Hợp đồng này sẽ được hai Bên tuân theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc tìm hướng giải quyết trên cơ sở tôn trọng lợi ích của cả hai Bên. Mọi sự thay đổi phải được sự đồng ý của hai Bên bằng văn bản chính thức. Không bên nào có quyền được tự ý thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp mà không thỏa thuận, thống nhất được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của Tòa án TP Hà Nội là quyết định cuối cùng mà hai Bên phải tuân theo.

- Hợp đồng kinh tế này có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký kết và sẽ tự động thanh lý khi các Bên thực hiện và hoàn thành tất cả các trách nhiệm theo Hợp đồng và quy định Nhà nước.

- Hợp đồng kinh tế này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự



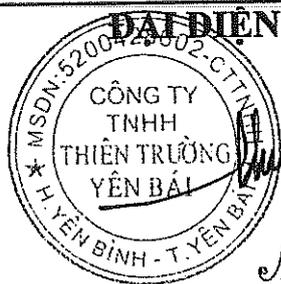
GIÁM ĐỐC
Phạm Hoàng Hà

Phụ lục 1 HĐTN2019

TT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	BỘ SÀNG CÁT D200MM				
1	Sàng D200mm, 10.0 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
2	Sàng D200mm, 5.0 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
3	Sàng D200mm, 2.50 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
4	Sàng D200mm, 1.25 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
5	Sàng D200mm, 0.63 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
6	Sàng D200mm, 0.315 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
7	Sàng D200mm, 0.14 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
II	BỘ SÀNG ĐẤT D200MM				
1	Sàng D200mm, 2.0 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
2	Sàng D200mm, 1.0 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
3	Sàng D200mm, 0.5 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
4	Sàng D200mm, 0.25 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
5	Sàng D200mm, 0.10 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
6	Sàng D200mm, 0.075 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
7	Sàng D200mm, 1.18 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
8	Sàng D200mm, 0.09 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
III	DỤNG CỤ - VN				
1	Cối Proctor tiêu chuẩn - VN	1	Ch	450.000	450.000
2	Cối Proctor cải tiến - VN	1	Ch	550.000	550.000
3	Chày Proctor tiêu chuẩn - VN	1	Ch	350.000	350.000
4	Chày Proctor cải tiến - VN	1	Ch	450.000	450.000
5	Dao vòng cắt đất D30cm2 - TQ	10	Ch	190.000	1.900.000
6	Dao vòng cắt đất D50cm2 - TQ	3	Ch	200.000	600.000
7	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy casagrande	1	Ch	2.600.000	2.600.000
8	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo	1	Ch	1.050.000	1.050.000
9	Bình tỷ trọng 100 ml	6	Ch	100.000	600.000
10	Rọ cân thủy tinh	1	Ch	480.000	480.000
11	Bộ chày cối sứ D150	1	Bộ	450.000	450.000
12	Cốc nhôm làm ẩm	10	Ch	98.000	980.000
13	Khay nhôm 10*20	10	Ch	120.000	1.200.000
14	Khay Inox 35*45	10	Ch	150.000	1.500.000
15	Khay tôn 45*50	5	Ch	250.000	1.250.000
16	Ống thủy tinh 500ml	2	Ch	380.000	760.000
17	Ống thủy tinh 250ml	2	Ch	350.000	700.000
18	Chày cao su	2	Ch	50.000	100.000

19	Dao gạt đất	2	Ch	150.000	300.000
20	Khuôn bê tông lập phương 15*15 (nhựa)	12	Ch	75.000	900.000
21	Khuôn bê tông lập phương 15*15 (thép)	3	Ch	330.000	990.000
22	Khuôn bê tông trụ 15*30 (thép)	3	Ch	400.000	1.200.000
23	Khuôn vữa 7.07*7.07.7.07	3	Ch	370.000	1.110.000
24	Khuôn vữa 4*4*16	3	Ch	400.000	1.200.000
25	Cát chuẩn ISO 679 (1 bao 50 KG)	1	Bao	460.000	460.000
26	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250 ml	2	Ch	120.000	240.000
27	Côn thử độ sụt bê tông Inox	1	Ch	750.000	750.000
IV	MÁY NÉN BÊ TÔNG - TQ				
1	Máy nén bê tông 2000KN - TQ Model: TYE-2000 - Dài đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN - Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha - Kích thước: 850x450x1400, 750kg	1	ch	55.000.000	55.000.000
V	SÀNG D300 ĐÁ - TQ				
1	Sàng D300mm - 75mm	1	Ch	180.000	180.000
2	Sàng D300mm - 60mm	1	Ch	180.000	180.000
3	Sàng D300mm - 50mm	1	Ch	180.000	180.000
4	Sàng D300mm - 40mm	1	Ch	180.000	180.000
5	Sàng D300mm - 30mm	1	Ch	180.000	180.000
6	Sàng D300mm - 25mm	1	Ch	180.000	180.000
7	Sàng D300mm - 20mm	1	Ch	180.000	180.000
8	Sàng D300mm - 15mm	1	Ch	180.000	180.000
9	Sàng D300mm - 3mm	1	Ch	180.000	180.000
	SÀNG D300 CẤP PHỐI ĐÁ DẶM - TQ				
10	Sàng D300mm - 37.5mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 19.5mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 9.5mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 4.75mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 2.36mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 0.425mm	1	Ch	180.000	180.000
11	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	1	Ch	750.000	750.000
12	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	1	Ch	420.000	420.000
13	Thùng dung trọng 2 lít (hộc đong) - VN	1	Ch	120.000	120.000
14	Thùng dung trọng 5 lít (hộc đong) - VN	1	Ch	220.000	220.000
15	Bộ nén dập trong xi lanh D150	1	Ch	750.000	750.000
16	Thuốc kẹp xác định thoi dẹt	1	Ch	350.000	350.000
17	Bộ phễu rót cát hiện trường	1	Ch	1.200.000	1.200.000

18	Tủ sấy 300oC (101-1)	1	Ch	4.950.000	4.950.000
19	Cân điện tử 15kg d=0,5g LD Đài loan UWA-N,	1	Ch	2.950.000	2.950.000
19	Cân điện tử 6kg d=0,1g LD Đài loan UWA-N,	1	Ch	2.760.000	2.760.000
20	Nhiệt kế kim loại 250 -300 - Korea	1	Ch	550.000	550.000
21	Máy khoan mẫu bê tông XM, bê tông nhựa	1	Ch	4.500.000	4.500.000
22	Mũi khoan mẫu bê tông XM, bê tông nhựa	2	Ch	1.500.000	3.000.000
	CỘNG:				106.190.000
	VAT 10%:				10.619.000
	Xe vận chuyển Hà Nội - Yên Bái (150Km)				2.500.000
	TỔNG CỘNG				119.309.000
<i>Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu, ba trăm linh chín đồng</i>					



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự



GIÁM ĐỐC
Phạm Hoàng Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Bên mua (Bên A) Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái

Đại diện Ông/bà: Nguyễn Thị Dự Chức vụ: Giám đốc ĐT:

Bên bán hàng (Bên B) Công ty TNHH tài phát Toàn Cầu

Đại diện Ông/bà: Nguyễn Xuân Bình Chức vụ: TP vật tư thiết bị

Cùng nhau giao nhận khuôn mẫu và dụng cụ thí nghiệm như sau:

TT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SL	ĐVT	Ghi chú
I	BỘ SÀNG CÁT D200MM			
1	Sàng D200mm, 10.0 mm - TQ	1	Ch	
2	Sàng D200mm, 5.0 mm - TQ	1	Ch	
3	Sàng D200mm, 2.50 mm - TQ	1	Ch	
4	Sàng D200mm, 1.25 mm - TQ	1	Ch	
5	Sàng D200mm, 0.63 mm - TQ	1	Ch	
6	Sàng D200mm, 0.315 mm - TQ	1	Ch	
7	Sàng D200mm, 0.14 mm - TQ	1	Ch	
II	BỘ SÀNG ĐẤT D200MM			
1	Sàng D200mm, 2.0 mm - TQ	1	Ch	
2	Sàng D200mm, 1.0 mm - TQ	1	Ch	
3	Sàng D200mm, 0.5 mm - TQ	1	Ch	
4	Sàng D200mm, 0.25 mm - TQ	1	Ch	
5	Sàng D200mm, 0.10 mm - TQ	1	Ch	
6	Sàng D200mm, 0.075 mm - TQ	1	Ch	
7	Sàng D200mm, 1.18 mm - TQ	1	Ch	
8	Sàng D200mm, 0.09 mm - TQ	1	Ch	
III	DỤNG CỤ - VN			
1	Cối Proctor tiêu chuẩn - VN	1	Ch	
2	Cối Proctor cải tiến - VN	1	Ch	
3	Chày Proctor tiêu chuẩn - VN	1	Ch	
4	Chày Proctor cải tiến - VN	1	Ch	
5	Dao vòng cắt đất D30cm ² - TQ	10	Ch	
6	Dao vòng cắt đất D50cm ² - TQ	3	Ch	
7	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy casagrande	1	Ch	
8	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo	1	Ch	
9	Bình tỷ trọng 100 ml	6	Ch	
10	Rọ cân thủy tinh	1	Ch	
11	Bộ chày cối sứ D150	1	Bộ	

12	Cốc nhôm làm ẩm	10	Ch	
13	Khay nhôm 10*20	10	Ch	
14	Khay Inox 35*45	10	Ch	
15	Khay tôn 45*50	5	Ch	
16	Ống thủy tinh 500ml	2	Ch	
17	Ống thủy tinh 250ml	2	Ch	
18	Chày cao su	2	Ch	
19	Dao gạt đất	2	Ch	
20	Khuôn bê tông lập phương 15*15 (nhựa)	12	Ch	
21	Khuôn bê tông lập phương 15*15 (thép)	3	Ch	
22	Khuôn bê tông trụ 15*30 (thép)	3	Ch	
23	Khuôn vữa 7.07*7.07.7.07	3	Ch	
24	Khuôn vữa 4*4*16	3	Ch	
25	Cát chuẩn ISO 679 (1 bao 50 KG)	1	Bao	
26	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250 ml	2	Ch	
27	Côn thử độ sụt bê tông Inox	1	Ch	
IV	MÁY NÉN BÊ TÔNG - TQ			
1	Máy nén bê tông 2000KN - TQ Model: TYE-2000 - Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN - Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha - Kích thước: 850x450x1400, 750kg	1	ch	
V	SÀNG D300 ĐÁ - TQ			
1	Sàng D300mm - 75mm	1	Ch	
2	Sàng D300mm - 60mm	1	Ch	
3	Sàng D300mm - 50mm	1	Ch	
4	Sàng D300mm - 40mm	1	Ch	
5	Sàng D300mm - 30mm	1	Ch	
6	Sàng D300mm - 25mm	1	Ch	
7	Sàng D300mm - 20mm	1	Ch	
8	Sàng D300mm - 15mm	1	Ch	
9	Sàng D300mm - 3mm	1	Ch	
	SÀNG D300 CẤP PHỐI ĐÁ DẶM - TQ			
10	Sàng D300mm - 37.5mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 19.5mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 9.5mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 4.75mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 2.36mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 0.425mm	1	Ch	

11	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đựng	1	Ch	
12	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đựng	1	Ch	
13	Thùng dung trọng 2 lít (hộc đựng) - VN	1	Ch	
14	Thùng dung trọng 5 lít (hộc đựng) - VN	1	Ch	
15	Bộ nén đập trong xi lanh D150	1	Ch	
16	Thuốc kẹp xác định thời dẹt	1	Ch	
17	Bộ phễu rót cát hiện trường	1	Ch	
18	Tủ sấy 300oC (101-1)	1	Ch	
19	Cân điện tử 15kg d=0,5g LD Đài loan UWA-N,	1	Ch	
19	Cân điện tử 6kg d=0,1g LD Đài loan UWA-N,	1	Ch	
20	Nhiệt kế kim loại 250 -300 - Korea	1	Ch	
21	Máy khoan mẫu bê tông XM, bê tông nhựa	1	Ch	
22	Mũi khoan mẫu bê tông XM, bê tông nhựa	2	Ch	

ĐẠI DIỆN BÊN A

Bên nhận hàng

Nguyễn Thị Dự

ĐẠI DIỆN BÊN B

Bên giao hàng

Nguyễn Xuân Bình

Nguyễn Xuân Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Mẫu số (Form No.): 01GTK0/001
Ký hiệu (Serial No.): TP/19E
Số (Invoice No.): 0000219

Ngày (day) 13 tháng (month) 07 năm (year) 2019

Đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH TÀI PHÁT TOÀN CẦU**
Mã số thuế (Tax Code): **0106355394**
Địa chỉ (Address): **Số nhà 9B ngõ Thái Lợi, Phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Điện thoại (Tel.): **0913588608**
Số tài khoản (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Company name): **CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**
Mã số thuế (Tax Code): **5200428602**
Địa chỉ (Address): **Tổ 1, Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam**
Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản**
Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	THANH TOÁN HỢP ĐỒNG MUA BÁN THIẾT BỊ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM SỐ 11/2019-HĐKT NGÀY 01 THÁNG 06 NĂM 2019				108,462,727
Cộng tiền hàng (Sub total):					108,462,727
Thuế suất GTGT (Tax rate): 10 %				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	10,846,273
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					119,309,000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Một trăm mười chín triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng chẵn ./.**

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH TÀI PHÁT TOÀN CẦU

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 219/2021/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 21 tháng 09 năm 2021, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 1 – TT Yên Bình – huyện Yên Bình – T. Yên Bái

MST: 5200428602

Do Bà: **Nguyễn Thị Dụ** - Giám Đốc - làm đại diện.

Số TK: 37110000123691. Tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Yên Bái

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT VIỆT NAM

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Đỗ Đăng Đầy** - Giám đốc - làm đại diện



Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	XS	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy nén bê tông 2000KN - BẮC KINH-TQ Model: DYE-2000 - Dải đo: 0~ 2000KN - Sai số: đạt TCVN, ASTM. - Mẫu nén max: D150xH300; 200x200x200. - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam, - Hiện thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha. - Trọng lượng khoảng: 700kg	TQ	1	chiếc	48.000.000	48.000.000
	CỘNG					48.000.000
	VAT 10%					4.800.000
	TỔNG CỘNG					52.800.000

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

52.800.000 VNĐ

Bằng chữ : Năm mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).!

Giá trên là giá đã bao gồm:Thuế VAT 10%, chi phí hiệu chuẩn, chi phí vận chuyển bàn giao tại phòng thí nghiệm Bên A .

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 02 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành và bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A.

- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Yên Bái

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán chuyển khoản cho bên B tại các thời điểm như sau:

+ Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 70% giá trị của hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.

+ Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 30% giá trị của hợp đồng trong vòng 03 ngày kể từ khi bên B thực hiện xong công tác giao hàng, nghiệm thu, chạy thử tại phòng thí nghiệm của bên A. Ngay sau khi bên B nhận đủ số tiền theo hợp đồng bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT 10% cho bên A.

Điều 6: Điều khoản thưởng phạt:

+ Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.

+ Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 7: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Nguyễn. Chi Dư



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Dầy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 219/2021/HĐKT ký ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái và Công ty CP Xây dựng và Thương mại An Phát Việt Nam.

Hôm nay, ngày tháng 09 năm 2021, tại Phòng thí nghiệm của Bên mua, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 1 – TT Yên Bình – huyện Yên Bình – T. Yên Bái

MST: 5200428602

Do Bà: **Nguyễn Thị Dụ** - Giám Đốc - làm đại diện.

Số TK: 37110000123691. Tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Yên Bái

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT VIỆT NAM

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Đỗ Đăng Đầy** - Giám đốc - làm đại diện

Điều 1: Bàn giao thiết bị

STT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	XS	SL	ĐVT	Ghi chú
1	Máy nén bê tông 2000KN - BẮC KINH-TQ Model: DYE-2000 - Dải đo: 0~ 2000KN - Sai số: đạt TCVN, ASTM. - Mẫu nén max: D150xH300; 200x200x200. - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam, - Hiện thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha. - Trọng lượng khoảng: 700kg	TQ	1	chiếc	



- Tình trạng thiết bị: Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và đúng chủng loại.

- Thiết bị được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu thiết bị.

- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số vật tư thiết bị trên theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số 219/2021/HĐKT. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử, hoạt động tốt khi

- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.

Điều 2: Thanh toán.

- Tổng trị giá Hợp đồng đã ký: **52.800.000 VNĐ**

- Tổng trị giá Hợp đồng đã thực hiện: **52.800.000 VNĐ**

- Bên A đã thanh toán cho bên B số tiền là: **36.960.000 VNĐ**

- Bên A còn phải thanh toán cho bên B số tiền là: **15.840.000 VNĐ**

Bằng chữ : Mười lăm triệu, tám trăm bốn nghìn đồng chẵn).!.

Điều 3: Kết luận:

- Ngay sau khi Bên A thanh toán hết số tiền cho Bên B, khi đó giữa hai bên không còn bất cứ khoản nợ nào khác và Hợp đồng này được thanh lý.

- Biên bản bàn giao và thanh lý được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Dầy





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): **1C21TAP**Số (No.): **625**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 23 tháng (month) 09 năm (year) 2021

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT**Mã số thuế (Tax code): **0108673258**Địa chỉ (Address): **Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Điện thoại (Tel): **0933913888**

Fax:

Website:

Số tài khoản (Account No.): **22210003964388** Ngân hàng (Bank): **TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân**

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**Mã số thuế (Tax code): **5200428602**Địa chỉ (Address): **Tổ 1, Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam**

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): **TM/CK**

Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Máy nén bê tông 2000kN – BẮC KINH-TQ	Chiếc	1	48.000.000	48.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					48.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		4.800.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					52.800.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Năm mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng**Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Signature valid

Ký bởi **CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT**
Ký ngày **23/09/2021**Mã của cơ quan thuế: **000DF43451C8774B11DADB6FFD473C51JC8**Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: **SSZHOQBPC0H29SC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 83/2024/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

MST: 5200428602

Tài khoản: 37110000123691 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Yên Bái

Do Bà: **Nguyễn Thị Dự** - Giám Đốc - làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Nguyễn Văn Linh** - Phó Tổng Giám đốc - làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư), giá cả

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT %	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép 1000kN (Tặng kèm bộ gối uốn thép) Hãng sản xuất: LS LUDA Model: WE-1000B Lực kiểm tra tối đa (kN): 1000 Phạm vi đo lường (kN): 100~1000 Sai số: ±1% Khoảng cách kéo (mm): 690 Không gian nén (mm): 620 Đường kính kẹp mẫu phẳng (mm): 0-40 Đường kính kẹp mẫu tròn (mm): 20-60. Hành trình piston làm việc (mm): 180 Kích thước thớt nén trên và dưới (mm): Φ220×Φ230 Công suất động cơ (Kw): 1.2 Công suất bơm dầu (Kw): 0.6 Tổng công suất: 1.8 Kw Điện áp: AC220V±10%,50Hz Kích thước máy chính (mm): 940×650×2080 Kích thước bộ điều khiển(mm): 530×500×1270 Trọng lượng (kg): 2400 Tiếng ồn hoạt động (dB): ≤75	TQ	1	chiếc	167,000,000	10	183,700,000



Bao gồm: Khung máy chính và bộ điều khiển, 1 thớt nén dưới, 1 thớt nén trên, 4 má kẹp cho thép phẳng 0-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 20-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 40-60mm; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; tuy ô thủy lực.						
TỔNG CỘNG						183,700,000

Tổng giá trị hợp đồng:

183,700,000

Bằng chữ : Một trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).!.

Giá trên là giá đã bao gồm:Thuế VAT , chi phí hiệu chuẩn tại bên bán, chi phí vận chuyển bàn giao tại phòng thí nghiệm Bên A.

Điều 2: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN bên A.

Điều 3: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 01 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành và bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A.

- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Thành phố Yên Bái.

Điều 4: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán chuyển khoản cho bên B tại các thời điểm như sau:

+ Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 100,000,000 VNĐ (*Một trăm triệu đồng chẵn*) ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.

+ Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 83,700,000 VNĐ (*Tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn*) ngay sau khi bên B thực hiện xong công tác giao hàng, nghiệm thu, chạy thử tại phòng thí nghiệm của bên A. Ngay sau khi bên B nhận đủ số tiền theo hợp đồng bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT cho bên A.

Điều 5: Điều khoản thưởng phạt:

+ Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.

+ Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 6: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được hủy Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng sẽ được thanh lý sau khi hai bên cùng hoàn tất các thủ tục thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

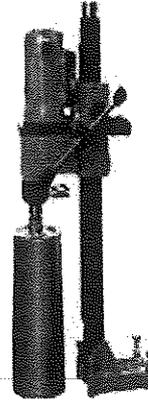
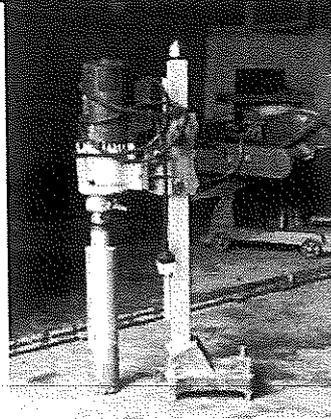
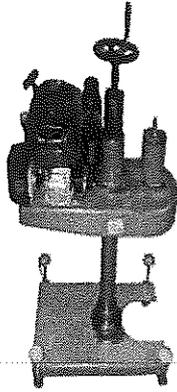


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TRANG THIẾT BỊ

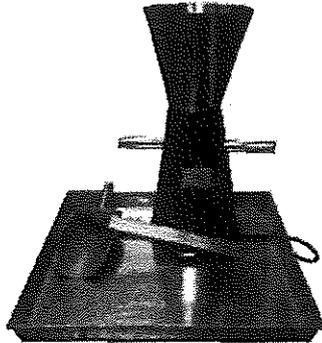


Máy khoan (Bê tông xi măng, bê tông nhựa) - Auger borer (Cement concrete, asphalt concrete)

Xuất xứ (Made):
Việt Nam - Viet Nam

Xuất xứ (Made): Trung Quốc- China

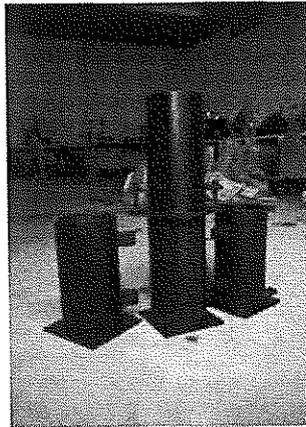
Xuất xứ (Made): Hàn Quốc - Korea



Côn thử độ sụt của bê tông - Cone slump test

Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh dầm, ca xúc mẫu, thước lá

Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



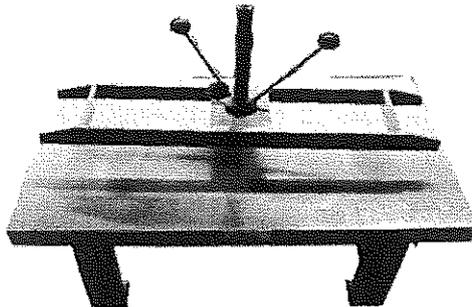
Khuôn trụ 15x30 Cm
Concrete cylinder block mould 15x30 Cm

Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



Khuôn lập phương 15x15x15Cm
Concrete cubic block mould 15x15x15 Cm

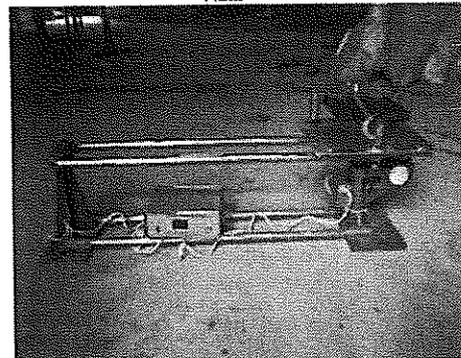
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



Bàn rung tạo mẫu bê tông
Concrete sharking table

Phù hợp với TCVN, ASTM và AASHTO
Suitable for TCVN, ASTM and AASHTO

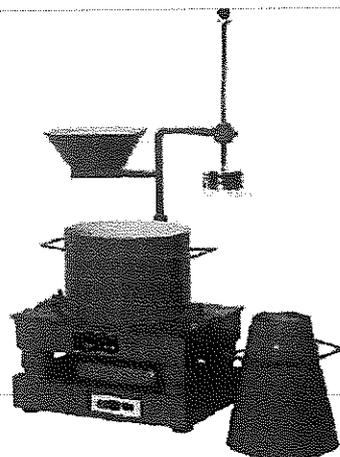
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn
Cement sharking machine

Biên độ rung: 15 ± 0.3 mm
Sharking amplitude: 15 ± 0.3 mm
Trọng lượng rung: 20 Kg - Sharking weight: 20 Kg
Nguồn điện: 200V/50Hz - Power: 200V/50Hz

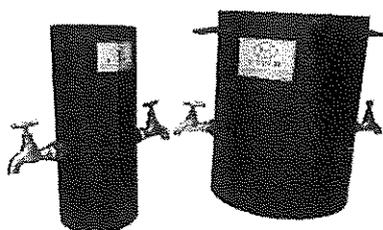
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



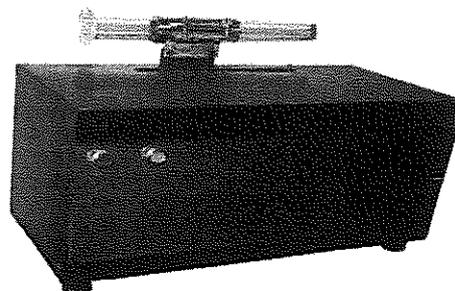
Bộ thí nghiệm nhót kế Vebe
Dùng xác định độ cứng bê tông tươi
Xuất xứ (Made): Việt Nam – Viet Nam



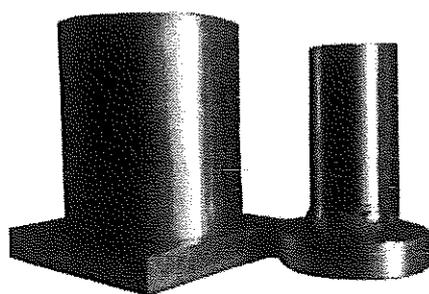
Máy thử độ mài mòn Los Angeles
Los Angeles abrasivity test machine
Xuất xứ (Made): Trung Quốc – China



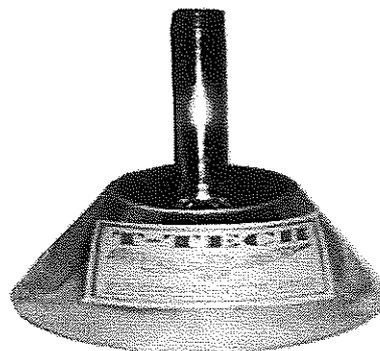
Bình rửa bụi bùn sét
Xuất xứ (Made): Việt Nam – Viet Nam



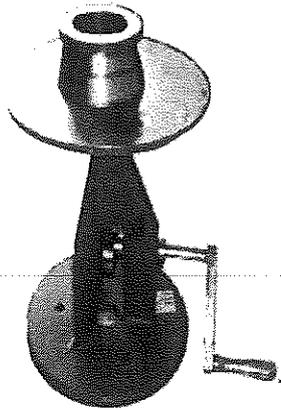
Thùng lắc đương lượng cát
Xuất xứ (Made): Việt Nam – Viet Nam



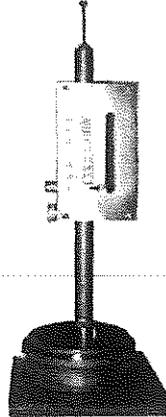
Bộ xilanh nén đập đá dăm
Xuất xứ (Made): Việt Nam – Viet Nam



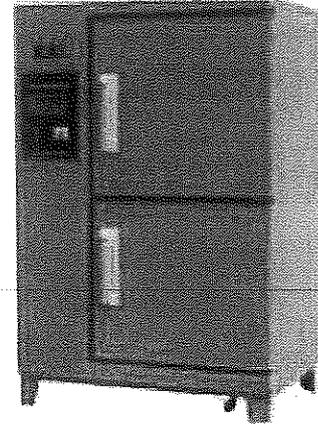
Côn chày đo độ hấp phụ của cốt liệu nhỏ
Xuất xứ (Made): Việt Nam – Viet Nam



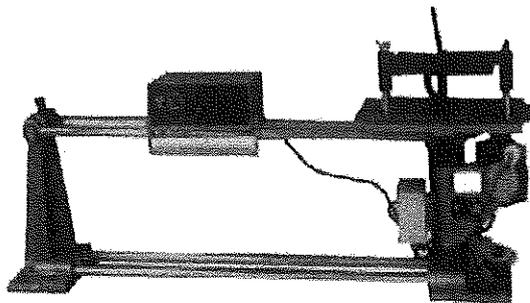
Bàn dẫn
Xuất xứ (made): Việt Nam-Viet Nam



Dụng cụ vika
Xuất xứ (made): Việt Nam



Tủ đựng hồ xi măng tiêu chuẩn
Xuất xứ (made): Trung Quốc - China



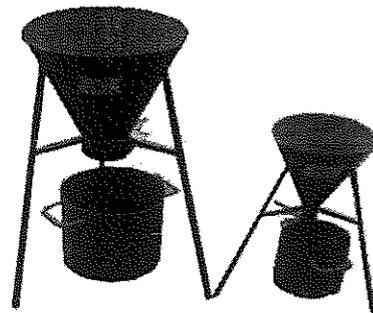
Máy đầm tạo mẫu xi măng
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



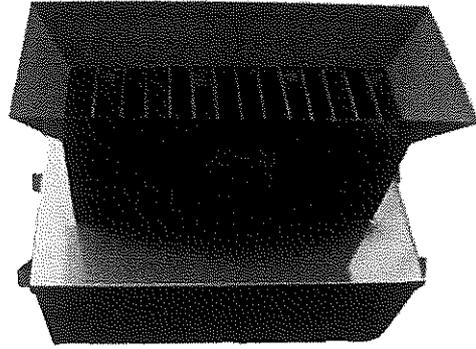
Máy khuấy vữa - Mortar mixing machine
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



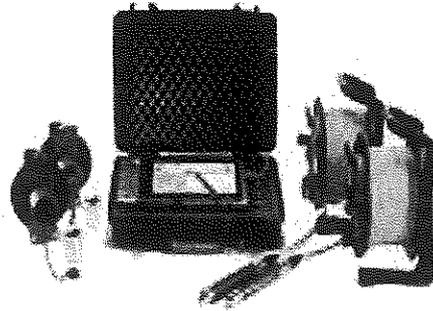
Thùng hấp mẫu xi măng - Cement sample sorption device
Dung tích (Volume): 20 Lít (Liter)
Kích thước (Size): 220x250x380 mm
Nguồn điện (Power): 220V/50Hz, 1.5KW
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



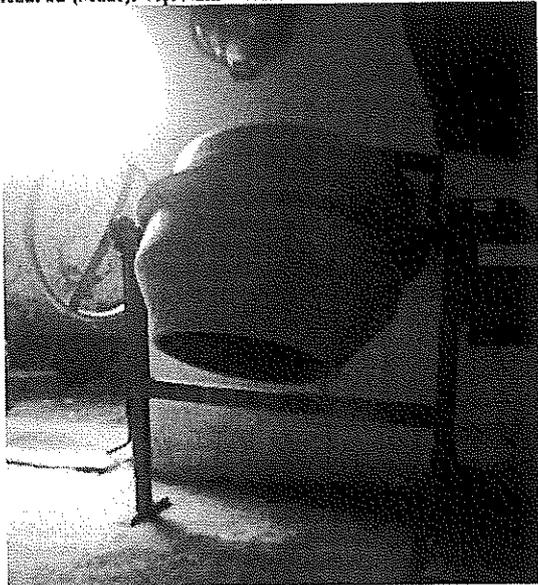
Phễu xác định độ xốp của cốt liệu
Aggregate porosity test device
Xuất xứ (made): Việt Nam-Viet Nam



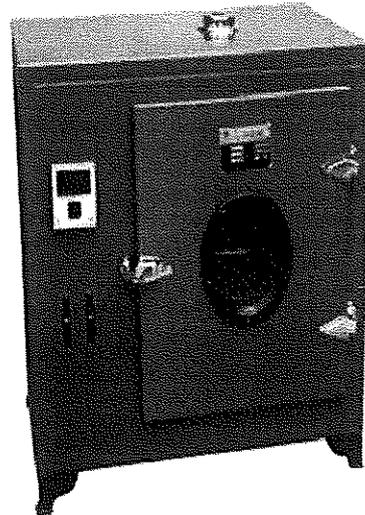
Bộ chia tư
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



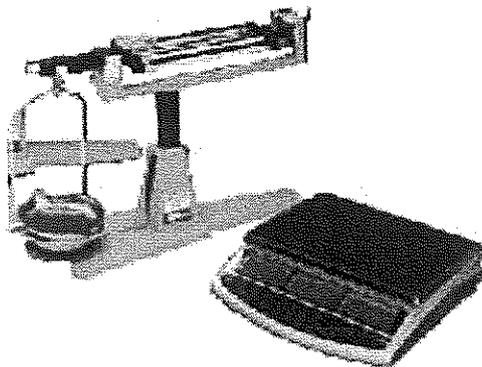
Thiết bị siêu âm cục khoan nhồi đồng bộ
Xuất xứ (Made): Mỹ - USA



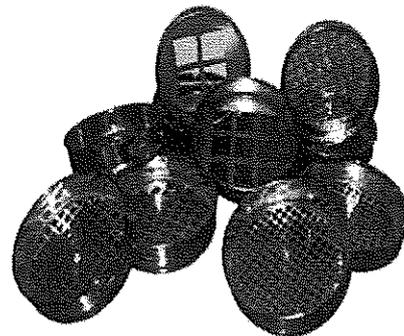
Máy trộn bê tông 150 lít
Concrete mixing machine 150 Liter
Xuất xứ (Made): Pháp - France



Tủ sấy
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



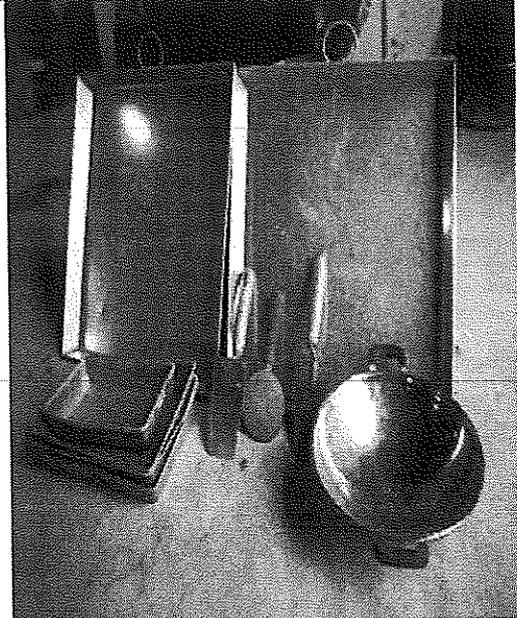
Cân kỹ thuật
Counter balance
Xuất xứ (Made): Nhật



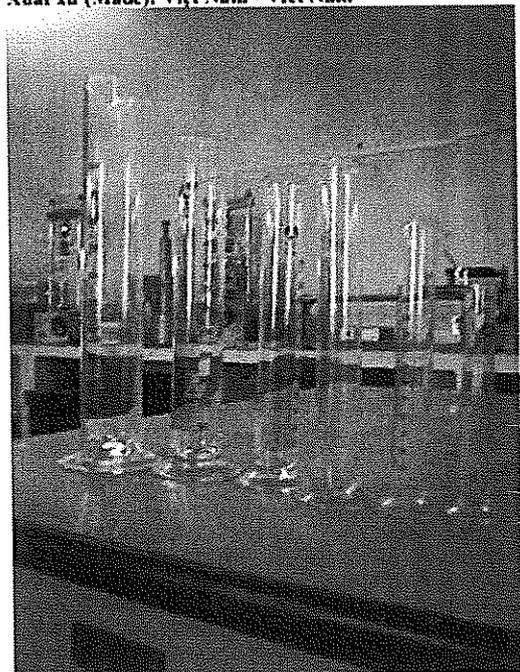
Bộ sàng tiêu chuẩn (ELE)
Standard sieves
Xuất xứ (Made): Anh Quốc - England



Bộ sàng tiêu chuẩn
Standard sieves
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China

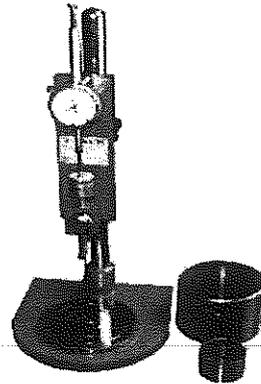


Khay, chảo, bay các loại
Tray, pan, scoop ...
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam

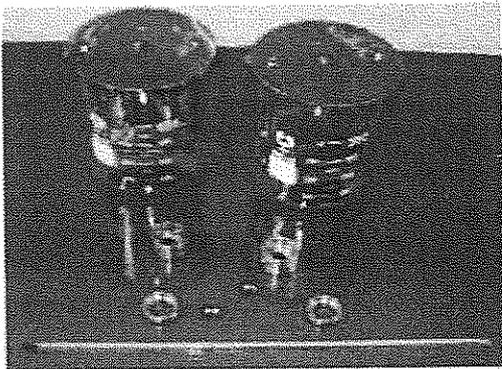




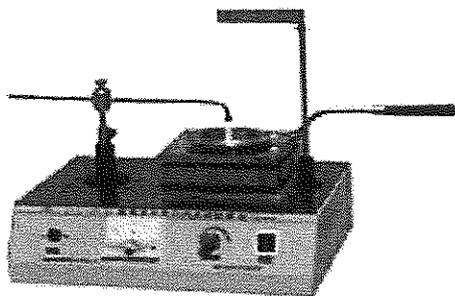
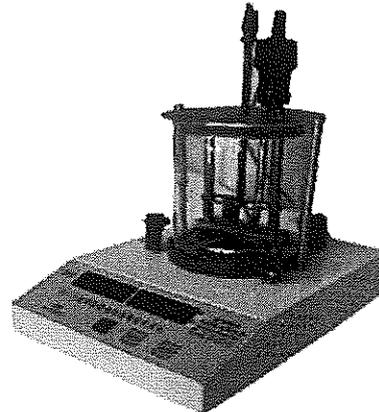
Thiết bị kim lún nhựa
Penetration bituminous test device
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



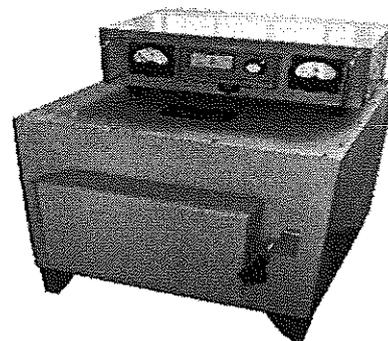
Thiết bị kim lún nhựa
Penetration bituminous test device
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



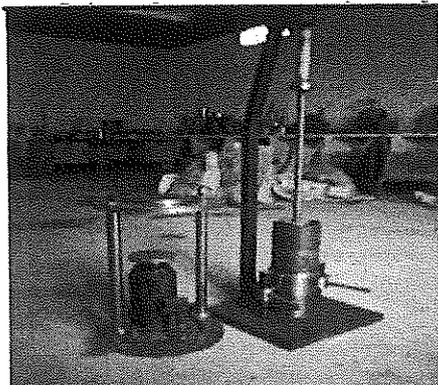
Thiết bị hoá mềm nhựa - Softening point bitumen test device
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



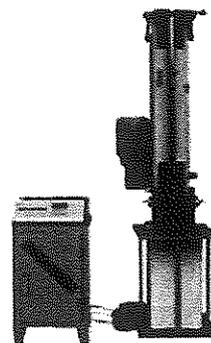
Thiết bị bốc cháy nhựa
Flash and fire points test device
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



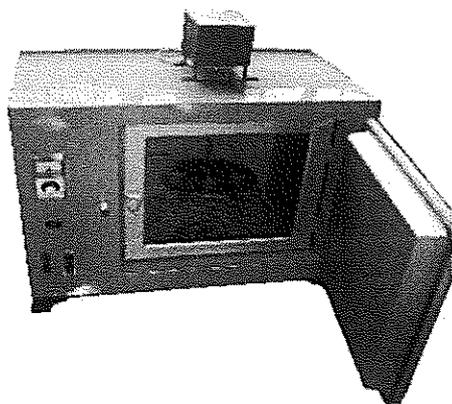
Lò nung 100°C + 1200°C
Kiln 100 to 1200 degree C
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



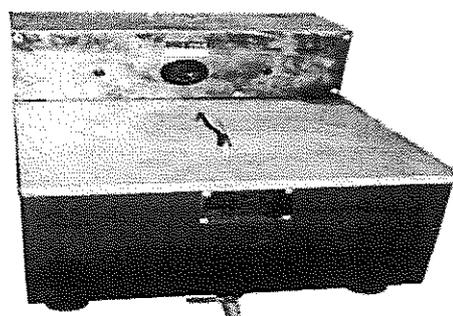
Bộ chày đầm Marshall bằng tay - Marshall tamping rod
Kèm đế gỗ, 04 thanh định vị, có khuôn, thân khuôn và đế khuôn
Các thiết bị phụ trợ khác - Another auxiliary device
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



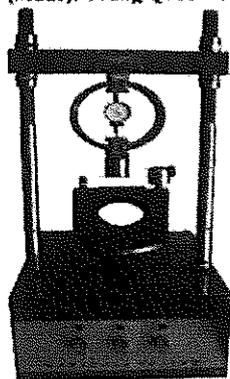
Máy đầm tạo mẫu Marshall tự động
Self-propelled tamper create Marshall pattern
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



Thiết bị lượng tồn thất khí nung của nhựa
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



Thùng bảo ôn nhiệt
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam

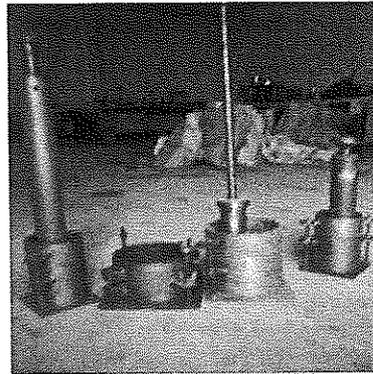
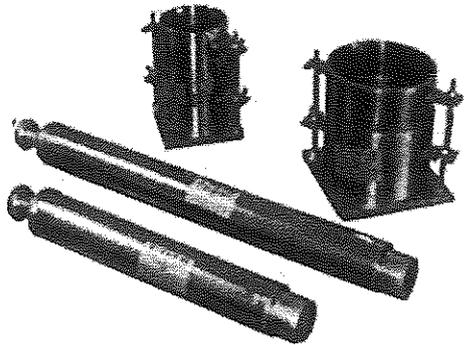


Máy nén Marshall
Marshall compressor

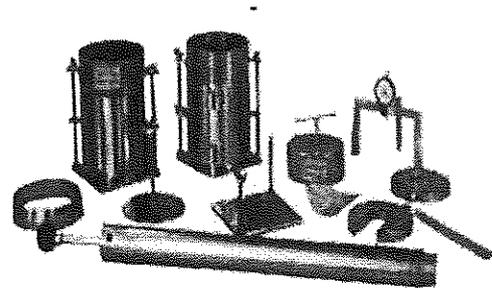
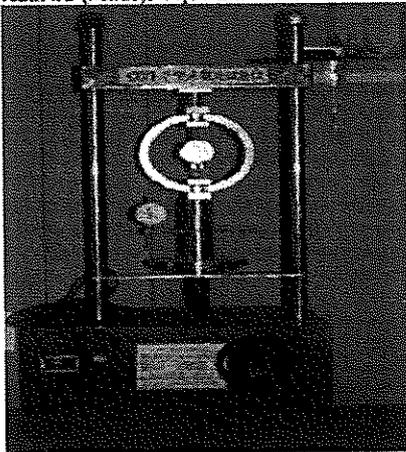
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



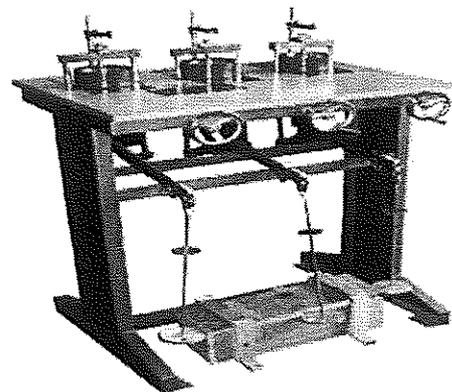
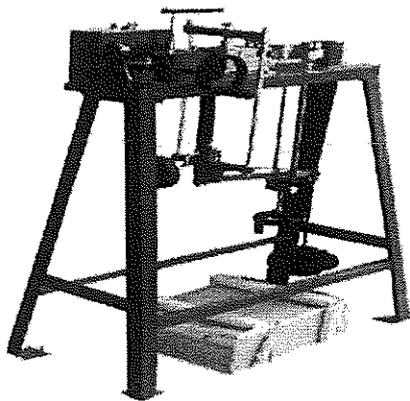
Máy ly tâm tách chiết nhựa - Centrifugal Machine
Khả năng (Capacity): 3000 g
Tốc độ điều khiển (Speed): 0-2800 V/phút bằng biến tần
Nguồn điện (Power): 220V/50Hz
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



Protor tiêu chuẩn - Protor cải tiến ; Standard protor device - New protor device
Cối S185,S186 + Chày S187,S188 - Mortar S185,S186 + Pestle S187,S188
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam

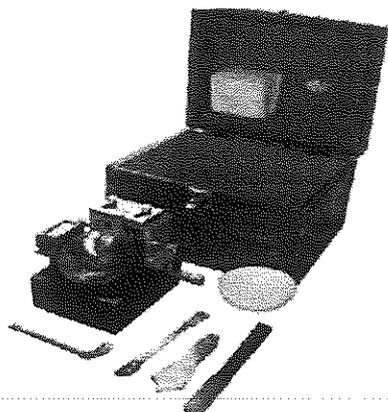


Máy nén CBR 50KN - Califonia bearing ratio compress machine 50KN
Các thiết bị phụ trợ khác - Another auxiliarry device
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China

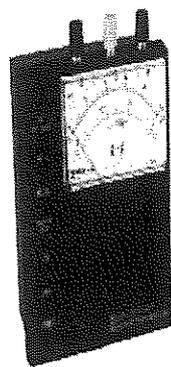


Máy cắt phẳng
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China

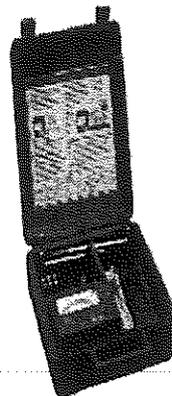
Máy nén tam liên
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



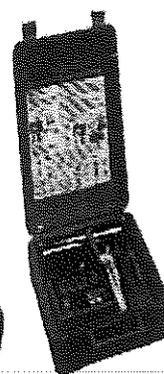
Casagrande xác định giới hạn chảy
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



KS-4102

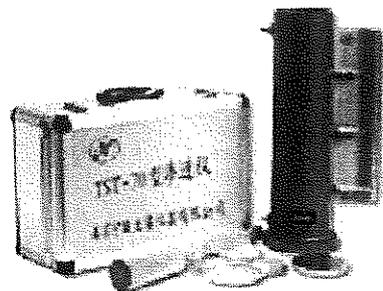


KS-4102A

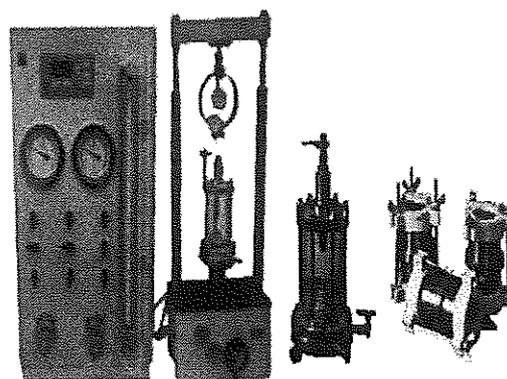


KS-4105

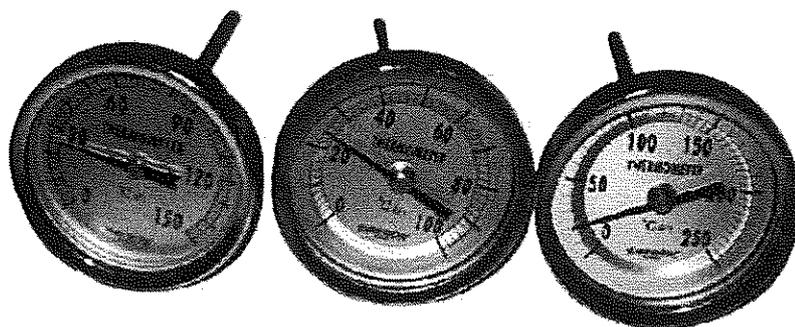
Máy đo điện trở
Xuất xứ (Made): Nhật



Xác định hệ số thấm
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



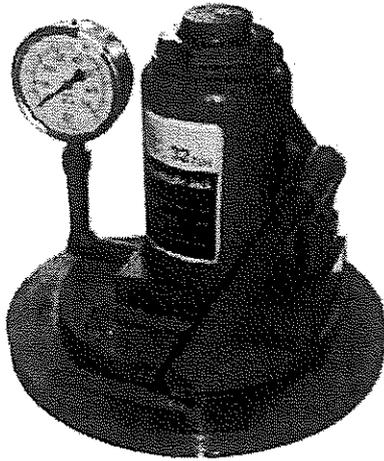
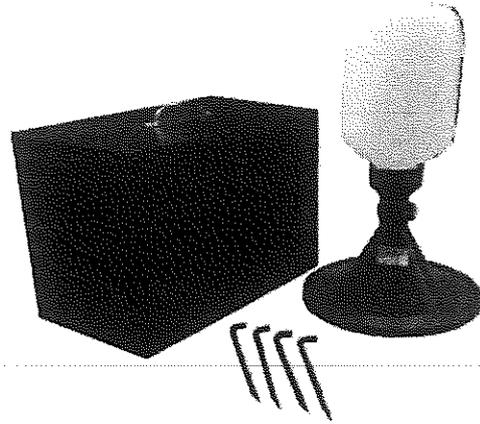
Máy nén ba trục
Xuất xứ (Made): Trung Quốc - China



Nhiệt kế kim loại



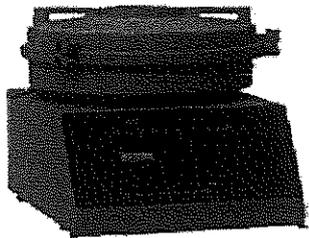
Phễu rót cát - Sand-cone device : Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



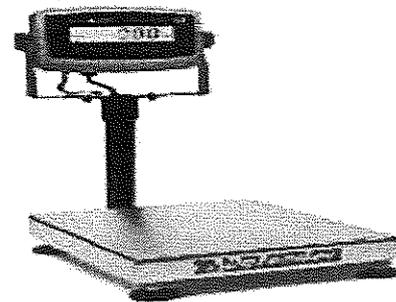
Bộ kích và tẩm ép cứng



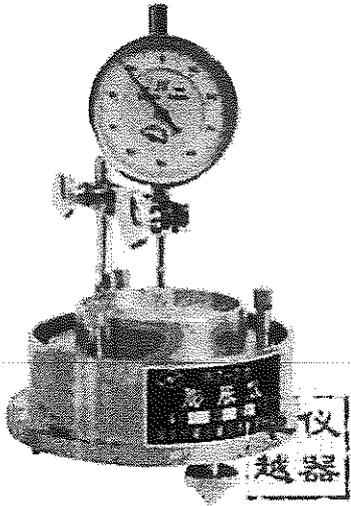
Bộ cân Benkenman - Benkenman device
Xuất xứ (Made): Việt Nam - Viet Nam



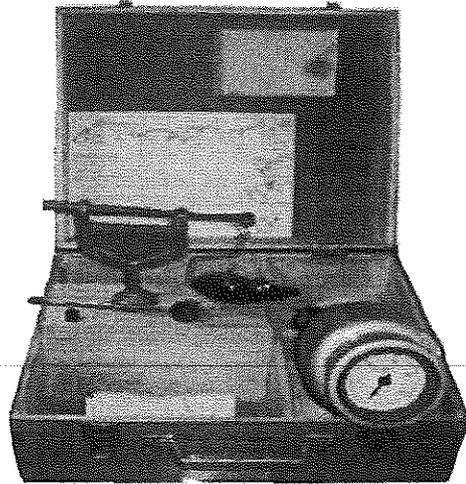
- Xuất xứ: Trung Quốc
- Hãng sản xuất: WUXI
- Model: LLC-15



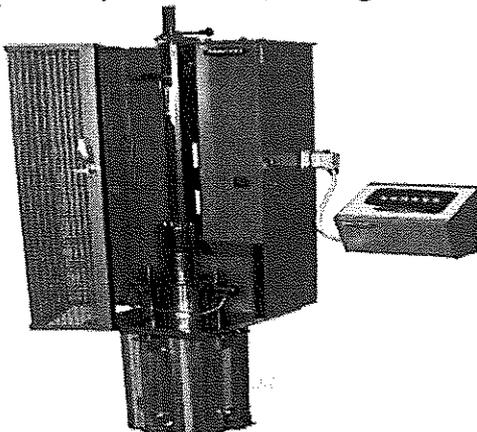
- Cân điện tử
- Độ phân giải cao: 1/3,000~ 1/7,500
- Màn hình LCD màu xanh rõ - dễ đọc



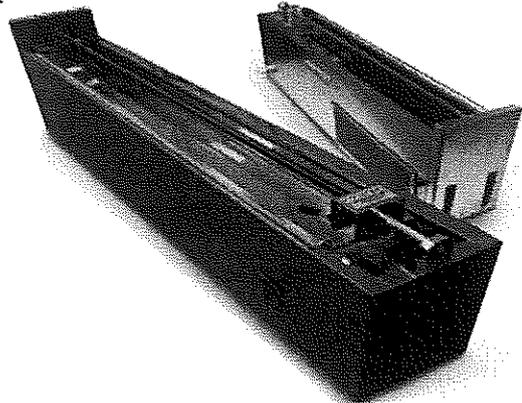
Thiết bị xác định độ tương nờ



Thiết bị xác định độ ẩm nhanh



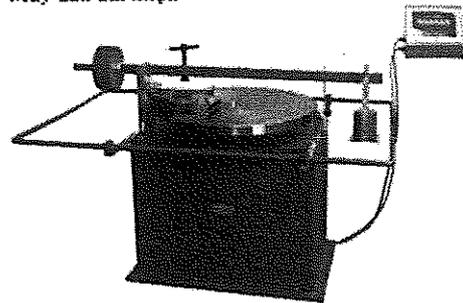
Máy đầm MASSHALL



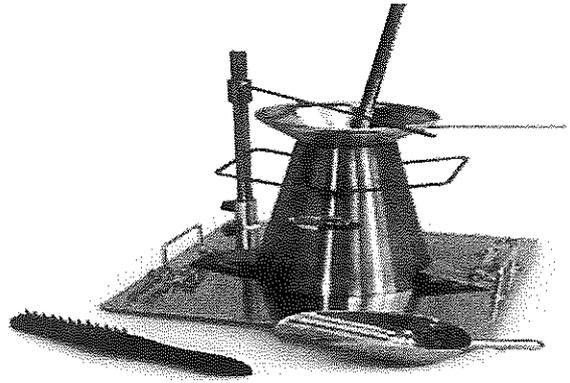
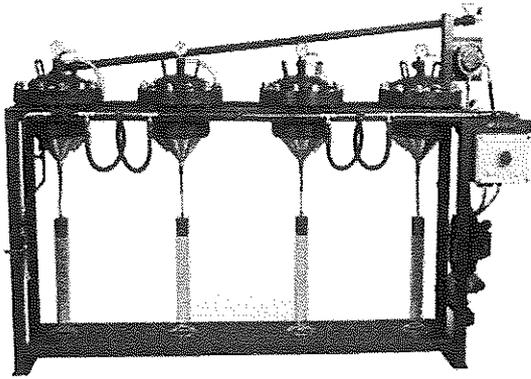
Máy dẫn dài nhựa



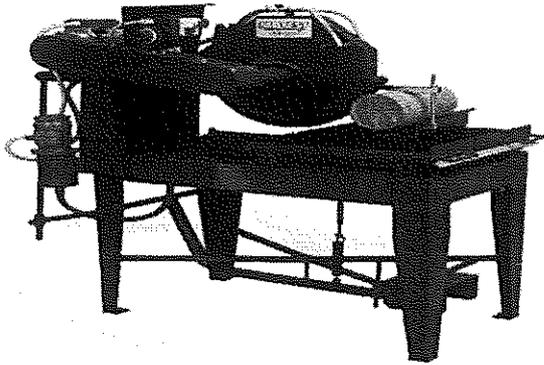
Máy trộn bê tông cường bức-trung quốc



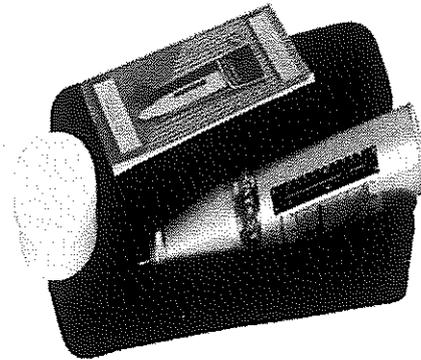
Máy Thử mài mòn-trung quốc



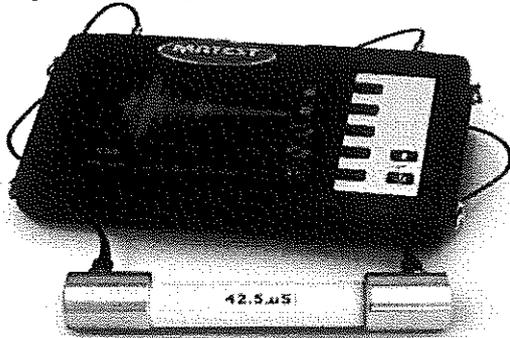
Máy thử chống thấm của bê tông



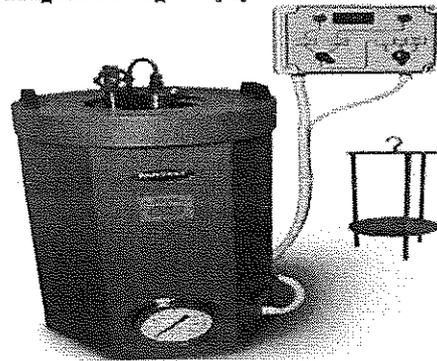
Cân thử độ sụt

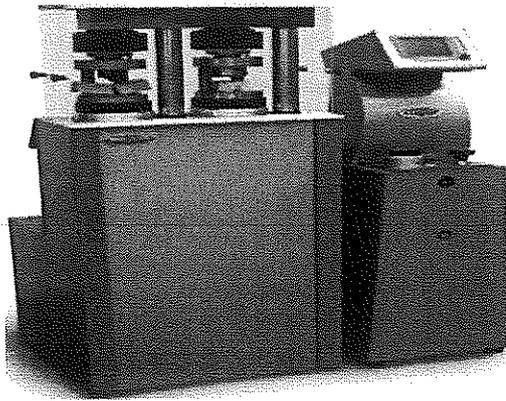


Máy cắt mẫu bê tông nhựa

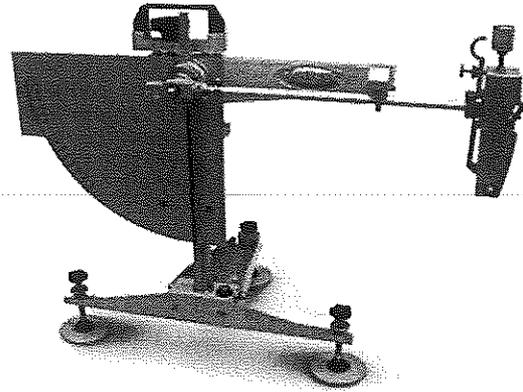


Súng bắn bê tông – thủy sỹ

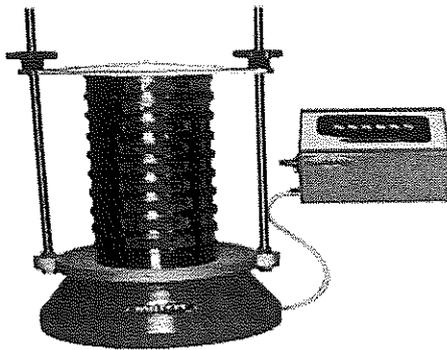




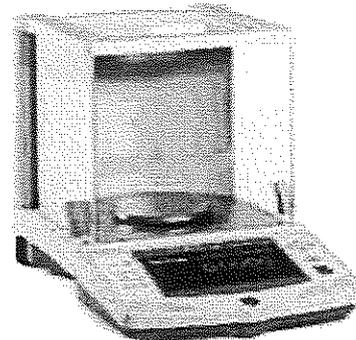
Máy nén, uốn xi măng



thiết bị thử độ nhám ma sát



Máy Sãng – Trung quốc



Cân kỹ thuật chính xác 0.001g – Nhật

Số: 2201a/2025/HĐ-TN

Yên Bái, ngày 22 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG

(Về việc: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Gói thầu số 13: Thi công xây dựng công trình Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bên bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái (Hạng mục: Kè khu vực cầu Móc Tôm, xã Báo Đáp và Kè khu vực thị trấn Mậu A đoạn 2).

I- CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH XIII ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ vào thông tư số: 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hợp đồng trong xây dựng;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 1925/GCN-SXD ngày 11/10/2024 của Sở xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu LAS - XD 63.005.

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên tham gia dự án.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

BÊN A : CÔNG TY TNHH LINH HUY HOÀNG

Người đại diện: Ông Nguyễn Xuân Huy Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: Phố Trung Hà, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02433.625.255

Mã số thuế: 0500455580

Tài khoản: 45110000022047 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn Tây

BÊN B : CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Dự Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 0988.868.955

Mã số thuế: 5200 428 602

Tài khoản: 3711.0000.302.959 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Yên Bái

III- NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng công tác thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **Gói thầu số 13: Thi công xây dựng công trình Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bên bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái (Hạng mục: Kè khu vực cầu Móc Tôm, xã Báo Đáp và Kè khu vực thị trấn Mậu A đoạn 2).**

Điều 1. Nội dung và chất lượng công việc

1.1 Nội dung công việc cần thí nghiệm:

- + Thí nghiệm vật liệu: Cát các loại; xi măng, đá các loại (Sỏi), cấp phối đá các loại, cấp phối thiên nhiên, thép các loại.
- + Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của đất đắp và kiểm tra độ chặt (K) hiện trường.
- + Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, vữa xây, Thí nghiệm cường độ chịu nén của vữa, bê tông.
- + Các thí nghiệm khác phục vụ gói thầu theo yêu cầu của dự án (Trong chức năng nhiệm vụ của công ty).

1.2 Chất lượng công tác thí nghiệm:

Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và Quy trình, quy phạm thí nghiệm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Qui định về thời gian thực hiện hợp đồng

Công tác thí nghiệm được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng và tiến hành thí nghiệm theo thời gian yêu cầu của bên A. (Trong thời gian hợp đồng xây lắp bên A đã ký với Chủ đầu tư).

Thời gian bên B trả kết quả thí nghiệm cho bên A sau khi thí nghiệm xong (theo quy định về thời gian thực hiện thí nghiệm).

Điều 3. Giá trị hợp đồng, hình thức hợp đồng, đơn giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: Được thống nhất giữa hai bên (A và B), giá trị hợp đồng lấy theo phương thức khoán trọn gói bằng 0.25% giá trị xây lắp chính do bên A thực hiện (Bao gồm VAT), cụ thể:

Giá trị hợp đồng trọn gói là: $13.267.000.000 \times 0.25\% = 33.167.500$ đồng

Bằng chữ (làm tròn): Ba ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng .

Điều 4. Hình thức, cách thức thanh toán và thanh lý hợp đồng

4.1 Hình thức, đồng tiền thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4.2 Cách thức thanh toán:

Sau khi hoàn thành các công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hợp đồng để làm cơ sở thanh toán hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền đã thực hiện theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B.

Thời gian thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ khi có biên bản nghiệm thu hợp đồng.

4.3 Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về khối lượng, giá trị trong hợp đồng xây lắp thì giá trị thí nghiệm không thay đổi.

4.4 Thanh lý hợp đồng: Sau khi hai bên đã thực hiện xong các điều khoản đã ký trong hợp đồng và thanh toán xong giá trị hợp đồng, Sau 15 ngày hai bên không có ý kiến gì thì bản hợp đồng này coi như đã được thanh lý kết thúc hợp đồng đã ký.

Điều 5. Bất khả kháng

5.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên như: Động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có cấp thẩm quyền Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 6. Tạm dừng huỷ bỏ hợp đồng

6.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng: Các trường hợp tạm dừng hợp đồng.

- Do lỗi bên A hoặc bên B
- Các trường hợp bất khả kháng
- Các trường hợp khác (nếu có)

Mỗi bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, Nhưng phải báo ngay cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thí nghiệm đã ký, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

6.2 Huỷ bỏ hợp đồng:

- Mỗi bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại;

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 7. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A

7.1 Cung cấp các số liệu yêu cầu thí nghiệm, số lượng và trọng lượng của mỗi loại mẫu thí nghiệm cho bên B theo tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành.

7.2 Kết hợp với kỹ sư tư vấn giám sát thi công và bên B thực hiện trong quá trình: Lấy mẫu thí nghiệm, trong phòng, hiện trường. Bên A chuyển giao cho bên B các mẫu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm của bên B; ký xác nhận các kết quả thí nghiệm theo quy định của Nhà nước (nếu có).

7.3 Thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B theo những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên (A-B).

7.4 Có quyền khiếu nại các kết quả thí nghiệm do bên B cung cấp cho bên A nếu không đúng.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B:

8.1 Thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình của Nhà nước ban hành về công tác thí nghiệm và nội dung, chất lượng công việc ở điều 1 của hợp đồng.

8.2 Cung cấp báo cáo kết quả thí nghiệm (03 bản) đúng tiêu chuẩn quy định, kịp thời gian theo yêu cầu của bên A.

8.3 Thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên

8.4 Có quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp số liệu kết quả thí nghiệm của bên A nếu như số liệu đó không đúng với yêu cầu tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình thí nghiệm của Nhà nước ban hành.

8.5 Sau khi bên A thanh toán xong số tiền theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B, bên B có trách nhiệm phát hành hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp hợp đồng

9.1 Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết.

9.2 Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Toà án kinh tế tỉnh Yên Bái giải quyết theo quy định của Pháp luật. Sự phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện, trong thời gian chờ đợi giải quyết của Toà án thì hai bên vẫn phải thực hiện những cam kết đã ký trong hợp đồng.

Điều 10. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng:

Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng là tiếng Việt

Điều 11. Điều khoản chung:

11.1 Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

11.2 Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

11.3 Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

11.4 Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý và thanh toán xong hợp đồng./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

Số: 2201/2025/HĐ-TN

Yên Bái, ngày 22 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG

(Về việc: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Gói thầu số 13: Thi công xây dựng công trình Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bên bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái (Hạng mục: Kè khu vực cầu Móc Tôm, xã Báo Đáp và Kè khu vực thị trấn Mậu A đoạn 2)

I- CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH XIII ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ vào thông tư số: 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hợp đồng trong xây dựng;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 1925/GCN-SXD ngày 11/10/2024 của Sở xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu LAS - XD 63.005.

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên tham gia dự án.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG YÊN BÁI

Người đại diện: Ông Nguyễn Quốc Thịnh

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: Số 779, phố Lê Hồng Phong, Phường Nguyễn Thái Học, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Mã số thuế: 5200 193 037

Tài khoản: 37110000001681 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam. Chi nhánh Yên Bái

BÊN B : CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Dụ

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 0988.868.955

Mã số thuế: 5200 428 602

Tài khoản: 3711.0000.302.959 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Yên Bái

III- NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng công tác thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Gói thầu số 13: Thi công xây dựng công trình Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bên bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái (Hạng mục: Kè khu vực cầu Móc Tôm, xã Báo Đáp và Kè khu vực thị trấn Mậu A đoạn 2)

Điều 1. Nội dung và chất lượng công việc

1.1 Nội dung công việc cần thí nghiệm:

+ Thí nghiệm vật liệu: Cát các loại; xi măng, đá các loại (Sỏi), cấp phối đá các loại, cấp phối thiên nhiên, thép các loại.

+ Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của đất đắp và kiểm tra độ chặt (K) hiện trường.

+ Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, vữa xây, Thí nghiệm cường độ chịu nén của vữa, bê tông.

+ Các thí nghiệm khác phục vụ gói thầu theo yêu cầu của dự án (Trong chức năng nhiệm vụ của công ty).

1.2 Chất lượng công tác thí nghiệm:

Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và Quy trình, quy phạm thí nghiệm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Quy định về thời gian thực hiện hợp đồng

Công tác thí nghiệm được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng và tiến hành thí nghiệm theo thời gian yêu cầu của bên A. (Trong thời gian hợp đồng xây lắp bên A đã ký với Chủ đầu tư).

Thời gian bên B trả kết quả thí nghiệm cho bên A sau khi thí nghiệm xong (theo quy định về thời gian thực hiện thí nghiệm).

Điều 3. Giá trị hợp đồng, hình thức hợp đồng, đơn giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: Được thống nhất giữa hai bên (A và B), giá trị hợp đồng lấy theo phương thức khoán trọn gói bằng 0.25% giá trị xây lắp chính do bên A thực hiện (Bao gồm VAT), cụ thể:

Giá trị hợp đồng trọn gói là: $11.377.420.000 \times 0.25\% = 28.443.550$ đồng

Bằng chữ (làm tròn): Hai tám triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng.

Điều 4. Hình thức, cách thức thanh toán và thanh lý hợp đồng

4.1 Hình thức, đồng tiền thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4.2 Cách thức thanh toán:

Sau khi hoàn thành các công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hợp đồng để làm cơ sở thanh toán hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền đã thực hiện theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B.

Thời gian thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ khi có biên bản nghiệm thu hợp đồng.

4.3 Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về khối lượng, giá trị trong hợp đồng xây lắp thì giá trị thí nghiệm không thay đổi.

4.4 Thanh lý hợp đồng: Sau khi hai bên đã thực hiện xong các điều khoản đã ký trong hợp đồng và thanh toán xong giá trị hợp đồng, Sau 15 ngày hai bên không có ý kiến gì thì bản hợp đồng này coi như đã được thanh lý kết thúc hợp đồng đã ký.

Điều 5. Bất khả kháng

5.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên như: Động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có cấp thẩm quyền Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 6. Tạm dừng huỷ bỏ hợp đồng

6.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng: Các trường hợp tạm dừng hợp đồng.

- Do lỗi bên A hoặc bên B
- Các trường hợp bất khả kháng
- Các trường hợp khác (nếu có)

Mỗi bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, Nhưng phải báo ngay cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thí nghiệm đã ký, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

6.2 Huỷ bỏ hợp đồng:

- Mỗi bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại;

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 7. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A

7.1 Cung cấp các số liệu yêu cầu thí nghiệm, số lượng và trọng lượng của mỗi loại mẫu thí nghiệm cho bên B theo tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành.

7.2 Kết hợp với kỹ sư tư vấn giám sát thi công và bên B thực hiện trong quá trình: Lấy mẫu thí nghiệm, trong phòng, hiện trường. Bên A chuyển giao cho bên B các mẫu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm của bên B; ký xác nhận các kết quả thí nghiệm theo quy định của Nhà nước (nếu có).

7.3 Thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B theo những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên (A-B).

7.4 Có quyền khiếu nại các kết quả thí nghiệm do bên B cung cấp cho bên A nếu không đúng.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B:

8.1 Thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình của Nhà nước ban hành về công tác thí nghiệm và nội dung, chất lượng công việc ở điều 1 của hợp đồng.

8.2 Cung cấp báo cáo kết quả thí nghiệm (03 bản) đúng tiêu chuẩn quy định, kịp thời gian theo yêu cầu của bên A.

8.3 Thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên

8.4 Có quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp số liệu kết quả thí nghiệm của bên A nếu như số liệu đó không đúng với yêu cầu tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình thí nghiệm của Nhà nước ban hành.

8.5 Sau khi bên A thanh toán xong số tiền theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B, bên B có trách nhiệm phát hành hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp hợp đồng

9.1 Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết.

9.2 Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Toà án kinh tế tỉnh Yên Bái giải quyết theo quy định của Pháp luật. Sự phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện, trong thời gian chờ đợi giải quyết của Toà án thì hai bên vẫn phải thực hiện những cam kết đã ký trong hợp đồng.

Điều 10. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng:

Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng là tiếng Việt

Điều 11. Điều khoản chung:

11.1 Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

11.2 Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

11.3 Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

11.4 Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý và thanh toán xong hợp đồng./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Thịnh

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Dự

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Về việc: *Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình*)

經濟合約

(關於: *工程建築物料驗收測試*)

Số 编号: SPS-0110/2025/HDKT/TM-TT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH 11 được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.
- 根據越南社會主義共和國國民議會於 2015 年 11 月 21 日通過的第 91/2015 / QH13 號民法典及相關法律文件；
- 根據越南社會主義共和國國民議會於 2005 年 6 月 14 日發布並於 2006 年 1 月 1 日生效的第 36/2005 / QH 11 號商法；
- 基於雙方的需求和能力。

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2025, chúng tôi gồm có:

今天, 2025 年 10 月 01 日, 本合同雙方當事人包括有:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THÀNH MINH, sau đây gọi tắt là “Bên A”

誠明建設工程股份公司 (A 方)

MST 税号 : 0109677897

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Đại Đông Á, đường Phạm Tu, Phường Định Công, TP Hà Nội, Việt Nam.

地址: 越南、河內市, 定工坊, 范修路, 大東亞大樓, 二樓

Điện thoại 電話 : 0246.290.2907

Đại diện : Ông TSAI MING SHUN

代表人 : 蔡明順先生

Chức vụ : Tổng Giám đốc

职位 : 總經理

Người được ủy quyền: Bà VŨ THỊ LUÂN Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

授权人: 武氏論 女士 职位: 副总经理

Theo giấy Ủy Quyền số 根据授权书编号: 01/UQ-TM ký ngày 签署 2/01/2023

Số tài khoản: 66886986688

銀行賬號 : 66886986688

Tại: TPBank chi nhánh Bắc Từ Liêm

CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI, sau đây gọi tắt là “Bên B”

安沛天長責任有限公司 (B 方)

MST 税号 : 5200 428 602

Địa chỉ: Tổ dân phố Yên Thịnh 2, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai

地址: 越南、老街省, 文富坊, 安盛 2 號住宅區

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Dự

代表人 : 阮氏豫女士

Chức vụ : Giám đốc

职位 : 經理

Số tài khoản 銀行賬號: 3710 123 691 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

Chi nhánh huyện Yên Bình PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG - ĐỊA KỸ THUẬT LAS-XD 63.005

Hai bên đi đến thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

双方签署了以下条款的合同协议:

ĐIỀU 1: Nội dung thực hiện hợp đồng

第 1 條 : 施行合約內容

- Bên A giao cho bên B thực hiện công tác thí nghiệm kiểm định chất lượng VLXD tại Công trình: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY, DÉP XUẤT KHẨU SUPER STAR địa chỉ tại Khu công nghiệp phía Nam, Phường Văn Phú, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Nội dung thí nghiệm, đơn giá chi tiết theo phụ lục đính kèm.

A 方指派 B 方在 SUPER-STAR 生產出口鞋廠房工程, 地址: 越南, 老街省, 文富坊, 南邊工業區, 在項目中開產驗證建築材料質量的實驗工作。試驗工作內容、報價明細依照合約附件附錄

ĐIỀU 2: Thời gian thực hiện hợp đồng và sản phẩm bàn giao:

第 2 條 : 合約實施時間和交付成果

- Thời gian thực hiện: Theo tiến độ thi công của bên A.

實施時間: 按照 A 方施工進度

- Hồ sơ tài liệu giao cho bên A: Bàn giao hồ sơ cho bên A có đủ tư cách pháp nhân và chất lượng.

向 A 方交付文件: 向 A 方交付將具完全法律地位和質量的文件

ĐIỀU 3: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật

第3條：質量和各技術要求

Các sản phẩm do bên B thực hiện trong lĩnh vực Thí nghiệm phải đạt được yêu cầu về chất lượng, yêu cầu về kỹ thuật và phải tuân thủ theo nội dung của Luật xây dựng, và các văn bản khác của Nhà Nước.

B 方在檢測領域生產的產品必須符合質量 and 技術要求並必須符合《建筑法》和國家的其他文件內容。

ĐIỀU 04: Giá trị hợp đồng:

第4条：合約價值

- Giá trị hợp đồng: 50.000.000 VNĐ (bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn) chưa bao gồm thuế GTGT
- 合約價值: 50.000.000 越南盾 (大寫: 伍仟萬越盾), 未含增值稅。
- Giá trị hợp đồng là tạm tính. Đơn giá hợp đồng là cố định, giá trị thanh toán được xác định bằng khối lượng thực tế được Ban chỉ huy xác nhận nhân với đơn giá hợp đồng
- 合約價值是預算的。合約單價固定，付款金額等於甲方確認的實際施工量乘以合約附錄單價
- Đối với các công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì hai bên sẽ thương thảo và ký thêm phụ lục Hợp đồng
- 對於合約中沒有單價的額外工作，雙方將協商並簽署合約附錄
- Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Bên nhận thầu, tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật và các chi phí phụ khác.
- 合同價格包括履行合同項下工作的所有費用，包括版權、承包商的利潤、根據法律和其他法規的規定與工作相關的所有稅費以及其他額外費用。
- Đơn giá thí nghiệm là một phần không thể thiếu của Hợp đồng này; 測試單價為本合約不可分割的一部分。
- Đơn giá này là giá cố định nếu có sự thay đổi về giá phải có sự thỏa thuận giữa các bên và thống nhất bằng văn bản.
此單價為固定單價，如果有變動，必須經雙方協商並書面同意。

Điều 5. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán:

第5条：驗收，支付，結算

1. Nghiệm thu:

驗收：

Nghiệm thu theo khối lượng công việc hoàn thành (căn cứ vào yêu cầu hoặc kết quả thí nghiệm thực hiện hoặc biên bản bàn giao kết quả thí nghiệm được lập giữa hai bên).

按完成工作量驗收 (根據要求或進行的實驗結果或雙方交接試驗結果)

2. Thanh quyết toán:

付款結算:

- Ngày 25 hàng tháng, hai bên đối chiếu số liệu thí nghiệm thực tế . Trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên B gửi bảng kê đối chiếu khối lượng, bên A có trách nhiệm ký xác nhận và thanh toán tiền cho bên B.

- 每月 25 日，雙方對照實際工作量。自 B 方工程量對照表之日起 7 天內 A 方負責簽署確認和支付給 B 方。

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Hồ sơ thanh toán:

付款文件:

- Đề nghị thanh toán (bản gốc);
- 付款要求函(原版);
- Biên bản đối chiếu khối lượng (bản gốc)
- 數量對照表(原版);
- Bảng giá trị hoàn thành (bản gốc);
- 完成價值表(原版);
- Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ (bản gốc);
- 有效增值發票 (原版)
- Các hồ sơ khác (theo yêu cầu Bên A)
- 其他文件 (依照甲方要求)

Điều 6. Thời gian hợp đồng:

第 6 条: 合約時間

Hợp đồng có giá trị từ ngày ký cho đến khi hoàn thành xây dựng công trình và bàn giao cho Chủ đầu tư.

合約自簽訂之日起至工程竣工並移交給業主為止有效。

Điều 7. Quyền và trách nhiệm giữa các bên:

第 7 条. 雙方責任和權力

1. Quyền và trách nhiệm của Bên A:

A 方責任和權力

- Bên A có quyền yêu cầu bên B làm thí nghiệm kiểm định vật liệu, chất lượng của công trình theo nội dung hợp đồng đã ký;

A 方有權要求 B 方按照簽訂的合約內容進行試驗、檢驗工程的材料和質量；

- Bên A có trách nhiệm viết phiếu yêu cầu nội dung thí nghiệm và số lượng mẫu thí nghiệm;

A 方有責任寫實驗內容要求和試驗樣品數量；

- Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho bên B theo Điều 4, Điều 5 của hợp đồng này.

A 方有責任按照合約第四、第五條款向 B 方付款。

2. Quyền và trách nhiệm của Bên B:

B 方責任和權力

- Thực hiện đúng quy trình, quy phạm các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp lý hiện hành của nhà nước;

遵守國家現行的程序、技術標準規範和法律文件;

- Có quyền yêu cầu bên A cung cấp mẫu để phục vụ làm các thí nghiệm mà bên A đã yêu cầu;

有權要求 A 方提供樣品來進行 A 方要求的試驗;

- Cung cấp cho bên A hồ sơ chứng minh năng lực thí nghiệm, kiểm định chất lượng đáp ứng các yêu cầu của bên A;

向 A 方提供符合 A 方要求檢測和質量檢驗能力的證明文件;

- Có trách nhiệm thực hiện kịp thời chính xác mọi yêu cầu thí nghiệm theo phiếu yêu cầu của bên A. Theo tiêu chuẩn thí nghiệm hiện hành của Nhà nước hoặc các Quốc gia, tổ chức Quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam;

有責任根據 A 方申請表及時、準確地執行所有檢測要求，按照國家或允許在越南申請的國家和國際組織的現行檢測標準

- Có trách nhiệm trả hoá đơn VAT hợp lệ, phiếu thu (Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt) và chứng chỉ kết quả thí nghiệm cho bên A khi bên A đã thanh toán đầy đủ số tiền thí nghiệm;

A 方支付檢測金額后，B 方負責有效增值稅發票、收據(現金付款)以及檢測結果證明交付給 A 方

- Bàn giao kết quả thí nghiệm mỗi đợt đúng thời gian cho bên A.

按時將每批次的試驗結果交付給 A 方。

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

第八條:

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng trong hoạt động xây dựng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết;

施工建築中發生可約糾紛雙方責任協商解決;

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

當時任協商不成的，可以依法律通過調解、仲裁或法院解決。

Điều 9. Bất khả kháng:

第九條: 不可抗力

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến

tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ...

不可抗力事件是指客觀發生的、各方無法控制的事件如地震、風暴、洪水、龍捲風、海嘯、山體滑坡、火、戰爭或戰爭風險、等等以及其他不可預見的災難，越南政策變化或禁令

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

如果發生不可抗力事件，合約履行事件將根據不可抗力事件法還是能事件延長收影響方無法履行已簽訂合約下的義務。

ĐIỀU 10: TRỌNG TÀI VÀ LUẬT LỆ

第 10 条：仲裁和法規

1. Hợp đồng này được lập và được hiểu phù hợp với pháp luật Việt Nam.

本合同是根據越南法律制定訂立。

2. Trong trường hợp có sự bất đồng, khiếu nại hoặc tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này, hai Bên sẽ gặp nhau với nỗ lực cao nhất để đạt được hòa giải.

如果因本合同引起或與本合同有關的任何異議，投訴或爭端，雙方應盡力通過協商解決。

3. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh bất đồng, khiếu nại hoặc tranh chấp mà hai Bên không đạt được hòa giải thì vấn đề sẽ được giải quyết tại *Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này*, ngôn ngữ giải quyết trọng tài bằng tiếng Việt Nam.

如果在出現異議，投訴或爭議後的 30 天內，雙方均未達成調解，則此事將在越南国际仲裁中心(VIAC)并据该中心之仲裁诉讼规则解决，仲裁解决之语言为越文。

4. Phán quyết cuối cùng của Trọng tài sẽ ràng buộc cả hai bên. Án phí và tất cả phí tổn hành chính sẽ do Bên thua kiện chịu.

仲裁的最終判決對雙方均具有約束力。法庭費用和所有行政費用將由敗訴方承擔。

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第 11 条：一般条款

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng nội dung đã thống nhất của hợp đồng này, không bên nào được tự ý làm trái hay thay đổi các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

雙方承諾遵守本合同的約定內容，任何一方均不得任意違反或更改合同中規定的條款。

2. Bên nào đơn phương sửa đổi, huỷ bỏ hoặc vi phạm hợp đồng thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và phải bồi thường thiệt hại cho bên kia theo quy định của hợp đồng này và pháp luật hiện hành.

任何一方單方面修改，取消或違反合同必須承擔全部責任，並必須根據本合同約定及現行法律向另一方支付損害賠償。

3. Nếu có bổ sung, điều chỉnh thì phải được sự thống nhất bằng văn bản của hai Bên hoặc bằng phụ lục hợp đồng.
如果有任何補充或調整，必須由締約雙方或合同附錄以書面形式商定。
4. Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
合同中未規定的其他條件和條款，應由當事各方根據越南國家現行法規執行。
5. Trường hợp một trong hai bên có sự chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chuyển địa điểm thành lập công ty thì Hợp Đồng này vẫn có hiệu lực đối với các chủ thể sau khi thay đổi.
若其中一方有分立、分割、存續合併、新設合併、變更公司名稱或搬遷公司營運地址，則此合約仍對該變更後之主體有效。
6. Hợp đồng này có hiệu lực một (01) năm kể từ ngày ký và trước khi Hợp đồng này hết hiệu lực nếu hai Bên không có bất kỳ ý kiến gì về việc chấm dứt hợp đồng thì hợp đồng này sẽ tiếp tục có hiệu lực thêm một năm và thời gian gia hạn vẫn theo như các quy định tại Hợp đồng.
本合同自簽署之日起一（01）年有效，並且在合同到期之前，如果雙方沒有對另一方為不續約的通知，則本合同將繼續有效一年，且續約期間亦有本項規定之適用。
7. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, mỗi bản đều có giá trị pháp lý như nhau.
本合同分为 04（四）份，每一方保留 02（两）份，每份具有同等的法律效力。

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Luân

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự



Số: 2705/2025/HĐ-TN

Yên Bái, ngày 27 tháng 05 năm 2025

HỢP ĐỒNG

Về việc: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Nhà máy sản xuất gạch Granite

I- CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH XIII ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ vào thông tư số: 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hợp đồng trong xây dựng;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 1925/GCN-SXD ngày 11/10/2024 của Sở xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu LAS - XD 63.005

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên tham gia dự án.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

BÊN A : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VIỆT PANEL

Người đại diện: **Ông Lưu Đình Cải** Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: (NR.Lưu Đình Thê) Thôn Đông Phù, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02226 535 699

Mã số thuế: 2300856941

Tài khoản: 118000139760 tại Ngân hàng Vietinbank – chi nhánh KCN Tiên Sơn

BÊN B : CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Người đại diện: **Bà Nguyễn Thị Dự** Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái - tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 0988.868.955

Mã số thuế: 5200 428 602

Tài khoản: 3711 0000 123 691 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.
Chi nhánh huyện Yên Bình

III- NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng công tác thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công trình: Nhà máy sản xuất gạch Granite

Điều 1. Nội dung và chất lượng công việc

1.1 Nội dung công việc cần thí nghiệm:

+ Thí nghiệm vật liệu: Cát các loại; xi măng, đá các loại (Sỏi), cấp phối đá các loại, cấp phối thiên nhiên, thép các loại.

+ Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của đất đắp và kiểm tra độ chặt (K) hiện trường.

+ Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, vữa xây, Thí nghiệm cường độ chịu nén của vữa, bê tông.

+ Các thí nghiệm khác phục vụ gói thầu theo yêu cầu của dự án (Trong chức năng nhiệm vụ của công ty).

1.2 Chất lượng công tác thí nghiệm:

Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và Quy trình, quy phạm thí nghiệm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Qui định về thời gian thực hiện hợp đồng

Công tác thí nghiệm được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng và tiến hành thí nghiệm theo thời gian yêu cầu của bên A. (Trong thời gian hợp đồng xây lắp bên A đã ký với Chủ đầu tư).

Thời gian bên B trả kết quả thí nghiệm cho bên A sau khi thí nghiệm xong (theo quy định về thời gian thực hiện thí nghiệm).

Điều 3. Giá trị hợp đồng, hình thức hợp đồng, đơn giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: Được thống nhất giữa hai bên (A và B), giá trị hợp đồng lấy theo phương thức đơn giá sau:

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá hồ sơ	Làm thực tế
1	Thí nghiệm tính chất cơ lý của cát	Mẫu	1	200.000	1.500.000
2	Thí nghiệm tính chất cơ lý của đá	Mẫu	1	200.000	1.500.000
3	Thí nghiệm xi măng	Mẫu	1	200.000	1.500.000
4	Thiết kế cấp phối bê tông thường	Mác	1	1.000.000	3.500.000
5	Thiết kế bê tông chống thấm	Mác	1	1.800.000	3.500.000
6	Thiết kế cấp phối vữa	Mác	1	800.000	2.000.000
7	Thí nghiệm nước	Chỉ tiêu	1	200.000	1.500.000
8	Thí nghiệm gạch	Mẫu	1	250.000	1.200.000
9	Thí nghiệm độ bền uốn + hút nước gạch ốp lát	Mẫu	1	250.000	1.000.000

10	Thí nghiệm kéo thép tròn và mối nối hàn $D \leq 16$, thép bản $T \leq 8$	Thanh	1	100.000	300.000
11	Thí nghiệm uốn thép tròn $D \leq 16$, thép bản $T \leq 8$	Thanh	1	100.000	300.000
12	Thí nghiệm kéo thép tròn và mối hàn D18 :- D25, thép bản T9 :- 12	Thanh	1	150.000	350.000
13	Thí nghiệm uốn thép tròn D18 :- D25, thép bản T9 :- 12	Thanh	1	150.000	350.000
14	Thí nghiệm kéo thép tròn và mối hàn $D > 25$, thép bản $T > 13$	Thanh	1	200.000	400.000
15	Thí nghiệm uốn thép tròn $D > 25$, thép bản $T > 13$	Thanh	1	200.000	400.000
16	Gia công và kiểm tra trọng lượng thép	Mẫu	1	100.000	200.000
17	Thí nghiệm kéo bu lông $D \leq 18$	Thanh	1	500.000	1.500.000
18	Thí nghiệm kéo bu lông $D > 18$	Thanh	1	500.000	1.500.000
19	Thí nghiệm ép mẫu bê tông lập phương (do khách hàng gửi mẫu đến)	Viên	1	100.000	150.000
20	Lấy mẫu và thuê khuôn bê tông	Lần	1	100.000	200.000
21	Kiểm tra độ sụt của bê tông	Lần	1	150.000	300.000
22	Kiểm tra nhiệt độ của bê tông	Lần	1	150.000	300.000
23	Thí nghiệm thời gian đông kết của bê tông	Mẫu	1	200.000	500.000
24	Thí nghiệm bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí	Mẫu	1	200.000	700.000
25	Thí nghiệm ép mẫu vữa	Viên	1	100.000	150.000
26	Khoan lấy lõi bê tông	Viên	1	200.000	550.000
27	Gia công + thí nghiệm ép mẫu bê tông hình trụ	Viên	1	100.000	300.000
28	Kiểm tra cường độ bê tông bằng súng bật nảy	Vùng	1	250.000	750.000
29	Siêu âm mối hàn	điểm	1	500.000	4.500.000
30	Siêu âm mối hàn	Vùng	1	1.000.000	4.500.000
31	Kiểm tra thăm thấu chất lỏng	m	1	500.000	3.500.000
32	Xác định hàm lượng bọt khí của bê tông	mẫu	1	500.000	2.800.000
33	Siêu âm bê tông	Vùng	1	1.000.000	3.350.000
34	Độ chống thấm của bê tông	Mẫu	1	1.500.000	3.000.000
35	Thí nghiệm bắc thăm	chỉ tiêu	1	1.000.000	3.000.000
36	Nén 3 trục ống cống	ống	1	1.500.000	5.000.000

37	Kiểm tra độ chống thấm (đơn vị yêu cầu làm đáy)	ống	1	1.000.000	2.500.000
38	Kiểm tra độ chống thấm (đơn vị thí nghiệm làm đáy)	ống	1	1.500.000	3.000.000
39	Siêu âm kiểm tra bề dày lớp bảo vệ bằng máy dò cốt thép	Ca	1	2.500.000	4.500.000
40	Thí nghiệm góc nghỉ khô, ướt	Mẫu	1	1.000.000	5.500.000
41	Thí nghiệm biến dạng cọc Pít ly tâm	cọc	1	3.000.000	5.000.000
42	Thí nghiệm thành phần hạt	Mẫu	1	200.000	500.000
43	Thí nghiệm giới hạn chảy, giới hạn dẻo	Mẫu	1	200.000	500.000
44	Xác định dung trọng hiện trường theo phương pháp dao vòng	Điểm	1	100.000	300.000
45	Xác định dung trọng hiện trường theo phương pháp rót cát	Điểm	1	100.000	300.000
46	Thí nghiệm đầm chặt tiêu chuẩn theo phương pháp tiêu chuẩn	Mẫu	1	400.000	1.000.000
47	Thí nghiệm đầm chặt tiêu chuẩn theo phương pháp cải tiến	Mẫu	1	500.000	1.500.000
48	Xác định hệ số thấm của đất (Thí nghiệm trong phòng)	Mẫu	1	250.000	650.000
49	Thí nghiệm CBR trong phòng	Mẫu	1	500.000	1.500.000
50	Thí nghiệm đá học, đá nguyên khai	Mẫu	1	1.000.000	2.000.000
51	Thí nghiệm mài mòn Los Angerless	Mẫu	1	350.000	1.000.000
52	Thí nghiệm vãi địa	Chỉ tiêu	1	500.000	1.500.000
53	Thí nghiệm đo modun đàn hồi (đo E) bằng tấm ép cứng, xe tải trọng lực sau 12 tấn do bên A cấp	Điểm	1	650.000	3.000.000
54	Thí nghiệm đo modun đàn hồi (đo E) bằng xe chạy, xe tải trọng lực sau 10 tấn do bên A cấp	Điểm	1	150.000	350.000
55	Thí nghiệm tính chất cơ lý của đá dùng trong BTN	Mẫu	1	250.000	500.000
56	Thí nghiệm tính chất cơ lý của cát dùng trong BTN	Mẫu	1	250.000	500.000
57	Thí nghiệm bột đá dùng cho BTN	Mẫu	1	250.000	500.000
58	Thí nghiệm nhựa đường	Mẫu	1	1.000.000	5.000.000
59	Thiết kế cấp phối BTN	Mác	1	5.000.000	15.000.000

60	Thí nghiệm BTN tại trạm trộn (Bao gồm: Lấy mẫu BTN, kiểm tra nhiệt độ, thí nghiệm thành phần hạt, xác định hàm lượng nhựa đường & cường độ marshall)	Mác	1	1.500.000	3.000.000
61	Kiểm tra lớp nhựa dính bám tại hiện trường	Điểm	1	150.000	500.000
62	Xác định thành phần hạt và hàm lượng nhựa	Mẫu	1	350.000	1.000.000
63	Khoan lấy mẫu BTN	Viên	1	200.000	500.000
64	Xác định độ bền marshall và độ dẻo marshall	Viên	1	200.000	750.000
65	Thí nghiệm xác định dung trọng và độ chặt nền của BTN	Viên	1	200.000	550.000
66	Đo độ nhám, độ bằng phẳng mặt đường	Điểm	1	250.000	850.000
67	Thí nghiệm đo điện trở đất (hệ thống thu lôi tiếp địa)	Điểm	1	500.000	1.500.000
68	Thí nghiệm nén tĩnh đất (móng)	Điểm	1	3.000.000	7.000.000
69	Kiểm tra kích thước hình học của ống	Ống	1	150.000	300.000
70	Thí nghiệm đá Granite, đá ốp lát	Mẫu	1	250.000	650.000
71	Thí nghiệm đá bó vỉa, đan rãnh	Mẫu	1	250.000	650.000
72	Thí nghiệm Bentonite	Lần	1	500.000	1.500.000
73	Thí nghiệm hàm lượng Clorua	Mẫu	1	250.000	550.000
74	Chi phí lấy mẫu thí nghiệm tại hiện trường	Lần	1	500.000	

Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT.

Các thí nghiệm khác chưa có trong đơn giá sẽ được 2 bên thống nhất khi thực hiện.

Điều 4. Hình thức, cách thức thanh toán và thanh lý hợp đồng

4.1 Hình thức, đồng tiền thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4.2 Cách thức thanh toán:

Sau khi hoàn thành các công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu thanh toán theo từng đợt thanh toán. Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền đã thực hiện theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B.

Thời gian thanh toán: Trong vòng 7 ngày kể từ khi có biên bản nghiệm thu hợp đồng.

4.3 Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về khối lượng, giá trị trong hợp đồng xây lắp thì giá trị thí nghiệm không thay đổi.

4.4 Thanh lý hợp đồng: Sau khi hai bên đã thực hiện xong các điều khoản đã ký trong hợp đồng và thanh toán xong giá trị hợp đồng, Sau 15 ngày hai bên không có ý kiến gì thì bản hợp đồng này coi như đã được thanh lý kết thúc hợp đồng đã ký.

Điều 5. Bất khả kháng

5.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên như: Động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có cấp thẩm quyền Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 6. Tạm dừng huỷ bỏ hợp đồng

6.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng: Các trường hợp tạm dừng hợp đồng.

- Do lỗi bên A hoặc bên B
- Các trường hợp bất khả kháng
- Các trường hợp khác (nếu có)

Mỗi bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, Nhưng phải báo ngay cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thí nghiệm đã ký, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

6.2 Huỷ bỏ hợp đồng:

- Mỗi bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại;

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 7: Chống tham nhũng và hối lộ

7.1. Trong trường hợp , những người liên quan vi phạm những cam kết này thì Việt Panel có quyền đưa ra các biện pháp, chế tài phù hợp bao gồm nhưng không giới hạn như Đơn phương chấm dứt Hợp đồng xây dựng, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, hợp đồng lao động hay thoả thuận hợp tác đã được Các Bên ký kết. Khi đó, mọi chi phí, hậu

quả phát sinh và thiệt hại (nếu có) do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Hợp đồng/Thỏa thuận đã được ký kết giữa Bên B và Việt Panel. Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt do Bên B và Những người liên quan thực hiện các hoạt động không phù hợp với Quy tắc Chống Tham nhũng này, Bên B không được quyền đòi tiền bồi thường hoặc thù lao bổ sung từ Việt Panel cho dù có bất kỳ thỏa thuận nào trước đó với các bên thứ ba mà Bên B và Những người liên quan có thể đã ký kết.

7.2. Trong trường hợp Bên B và Những người liên quan bị phát hiện có đưa tiền hối lộ hoặc hoa hồng hoặc các lợi ích khác cho cán bộ Việt Panel hoặc có các hành vi khác vi phạm Quy tắc Chống Tham nhũng của Việt Panel thì sẽ bị vĩnh viễn đưa vào danh sách đen của Việt Panel và xem xét ngừng hợp tác trong các dự án mua sắm tiếp theo.

7.3. Bên B phải bồi thường cho Việt Panel và chịu trách nhiệm đối với bất kỳ và tất cả các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm và/hoặc khiếu nại (kể cả tiền phạt và hình thức phạt của Nhà nước) mà Việt Panel phải chịu, hoặc bị áp đặt do bên B và Những người liên quan vi phạm Quy tắc Chống Tham nhũng này và quy định về phòng, chống tham nhũng theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

7.4. Ngoài khoản tiền bồi thường nêu trên, Bên B cam kết sẽ trả cho Việt Panel một khoản tiền phạt bằng 30% giá trị hợp đồng/thỏa thuận đã ký kết với Việt Panel (trừ trường hợp Hợp đồng/thỏa thuận của Việt Panel với bên B có áp dụng mức phạt cao hơn thì sẽ áp dụng theo quy định tại Hợp đồng/thỏa thuận đó).

7.5. Ngoài ra, hành vi đưa và nhận hối lộ là hành động vi phạm pháp luật, Việt Panel sẽ xem xét mức độ nghiêm trọng và sẽ đề nghị khởi tố theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

7.6. Bên B phải thông báo ngay cho Việt Panel về bất kỳ hành vi vi phạm hoặc nghi ngờ vi phạm Quy tắc Chống Tham nhũng này và/hoặc bất kỳ hành vi không chính đáng nào khác của cán bộ, nhân viên Việt Panel hoặc bất kỳ cá nhân, tổ chức có liên quan đến các quan hệ kinh doanh với Việt Panel.

7.7. Trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa Quy tắc Chống Tham nhũng này với các nội dung tại Hồ sơ chào giá/Hồ sơ thầu/ ... các Hợp đồng xây dựng/ Hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ đã ký giữa Bên B và Việt Panel thì các quy định trong Quy tắc Chống Tham nhũng này sẽ được ưu tiên áp dụng trước.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A

8.1. Cung cấp các số liệu yêu cầu thí nghiệm, số lượng và trọng lượng của mỗi loại mẫu thí nghiệm cho bên B theo tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành.

7.2. Kết hợp với kỹ sư tư vấn giám sát thi công và bên B thực hiện trong quá trình: Lấy mẫu thí nghiệm, trong phòng, hiện trường. Bên A chuyển giao cho bên B các mẫu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm của bên B; ký xác nhận các kết quả thí nghiệm theo quy định của Nhà nước (nếu có).

8.3. Thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B theo những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên (A-B).

8.4. Có quyền khiếu nại các kết quả thí nghiệm do bên B cung cấp cho bên A nếu không đúng.

Điều 9. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B:

9.1. Thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình của Nhà nước ban hành về công tác thí nghiệm và nội dung, chất lượng công việc ở điều 1 của hợp đồng.

9.2. Cung cấp báo cáo kết quả thí nghiệm (03 bản) đúng tiêu chuẩn quy định, kịp thời gian theo yêu cầu của bên A.

9.3. Thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên

9.4 Có quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp số liệu kết quả thí nghiệm của bên A nếu như số liệu đó không đúng với yêu cầu tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình thí nghiệm của Nhà nước ban hành.

9.5 Sau khi bên A thanh toán xong số tiền theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B, bên B có trách nhiệm phát hành hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp hợp đồng

10.1 Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết.

10.2 Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Toà án kinh tế tỉnh Yên Bái giải quyết theo quy định của Pháp luật. Sự phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện, trong thời gian chờ đợi giải quyết của Toà án thì hai bên vẫn phải thực hiện những cam kết đã ký trong hợp đồng.

Điều 11. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng:

Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng là tiếng Việt

Điều 12. Điều khoản chung:

12.1 Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

12.2 Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

12.3 Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

12.4 Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý và thanh toán xong hợp đồng./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Lưu Đình Cải



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Dự